



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

15

Tháng 8 - 2019

ĐOÀN CÔNG TÁC CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI LÀM VIỆC VỚI LÃNH ĐẠO BỘ XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2019



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà phát biểu tại buổi làm việc



Trưởng Ban Dân nguyện Quốc Hội Nguyễn Thanh Hải phát biểu tại buổi làm việc

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ
TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ HAI MƯƠI

15

SỐ 15 - 8/2019

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Chính phủ ban hành Nghị định về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước 5

Văn bản của địa phương

- UBND tỉnh Sơn La ban hành Quyết định về việc phân cấp thẩm định Dự án (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật), thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng trên địa bàn tỉnh 7

- UBND tỉnh Bạc Liêu ban hành Quy định một số nội dung về công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh 9

- UBND tỉnh An Giang ban hành Quyết định quy định quản lý, sử dụng và phát triển cụm, tuyến dân cư và nhà ở vượt lũ sau đầu tư trên địa bàn tỉnh 11

- UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quy định đảm bảo an toàn các công trình lân cận và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh 14



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

ĐỖ HỮU LỰC

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN
(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠN

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

CN. TRẦN ĐÌNH HÀ

CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

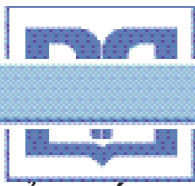
CN. NINH HOÀNG HẠNH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiên cứu Đề tài do Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia thực hiện 18
- Nghiên cứu dự thảo TCVN do Viện Khoa học công nghệ xây dựng thực hiện 19
- Công nghệ xử lý vữa trạc phát sinh từ trạm trộn bê tông xi măng 20
- Bảo vệ các kết cấu bê tông tránh ăn mòn vi sinh 22
- Vai trò của các lớp vỏ khẩu độ lớn trong việc tạo hình các công trình công cộng 24
- Xử lý rác thải tại Nhật Bản 31

Thông tin

- Thứ trưởng Bùi phạm Khánh làm việc với đoàn chuyên gia JICA 35
- Khởi động Dự án “Xây dựng chính sách tổng thể nhà ở xã hội tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030” 37
- Ký kết Biên bản cuộc họp giữa Bộ Xây dựng và Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản 38
- Hội nghị Thẩm định Đề án Đề nghị công nhận TP. Tân An là đô thị loại II 39
- Đoàn công tác của Ủy ban Thường vụ Quốc hội làm việc với lãnh đạo Bộ Xây dựng 41
- Hội thảo góp ý kiến cho Dự thảo Định hướng hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia ngành Xây dựng 43
- Sách lược phát triển công viên sinh thái đô thị của nước Mỹ 44
- Tương lai 10 năm trong phát triển nhà ở tại Trung Quốc 47



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Chính phủ ban hành Nghị định về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước

Ngày 29 tháng 7 năm 2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 66/2019/NĐ-CP về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước.

Nguyên tắc bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước

- Việc bảo tồn và sử dụng vùng đất ngập nước phải được thực hiện trên nguyên tắc tiếp cận hệ sinh thái, bảo đảm duy trì toàn vẹn cấu trúc, chức năng, đặc tính sinh thái và đa dạng sinh học của vùng đất ngập nước.

- Tăng cường vai trò, sự tham gia của cộng đồng dân cư sinh sống trên, xung quanh vùng đất ngập nước và các bên liên quan trong bảo tồn, sử dụng bền vững vùng đất ngập nước.

- Đảm bảo cơ chế chia sẻ lợi ích công bằng, hợp lý về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các bên liên quan trong việc sử dụng dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước.

Quản lý nhà nước về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước

- Ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước; các quy định của Công ước Ramsar.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước trên phạm vi cả nước và từng địa phương.

- Thống kê, kiểm kê; điều tra, đánh giá, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về các vùng đất ngập nước; quan trắc, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường và đa dạng sinh học của các vùng đất ngập nước quan trọng; lập, thẩm định,

ban hành và điều chỉnh Danh mục các vùng đất ngập nước quan trọng trên phạm vi toàn quốc.

- Tổ chức lập, thẩm định, thành lập và quản lý các khu bảo tồn đất ngập nước; đề cử công nhận và quản lý khu Ramsar; hướng dẫn quản lý các vùng đất ngập nước quan trọng nằm ngoài khu bảo tồn.

- Tổ chức việc nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, đào tạo nhân lực cho bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước.

- Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước quan trọng.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của các bên liên quan, cộng đồng về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước.

Các hoạt động khuyến khích trên vùng đất ngập nước

- Bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên và loài chim di cư tại vùng đất ngập nước.

- Phục hồi các vùng đất ngập nước quan trọng, các hệ sinh thái đất ngập nước tự nhiên đã bị suy thoái hoặc bị khai thác quá mức; duy trì và phòng ngừa sự biến đổi các đặc tính sinh thái vùng đất ngập nước.

- Giám sát các hoạt động trên vùng đất ngập nước quan trọng; phát hiện và thông báo kịp thời với cơ quan chức năng về các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn và sử dụng bền vững vùng đất ngập nước quan trọng.

- Thực hiện mô hình sinh kế bền vững về

môi trường, mô hình bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước, các hoạt động du lịch sinh thái theo quy định của pháp luật.

Tiêu chí xác định vùng đất ngập nước quan trọng

- Vùng đất ngập nước quan trọng là vùng đất ngập nước có diện tích từ 50 ha trở lên đối với đất ngập nước ven biển, ven đảo hoặc từ 5 ha trở lên đối với đất ngập nước nội địa, có chứa hệ sinh thái tự nhiên quan trọng đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí sau.

+ Có chứa ít nhất một kiểu đất ngập nước tự nhiên có tính đặc thù hoặc đại diện cho một vùng sinh thái;

+ Là nơi sinh sống tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của ít nhất một loài đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm hoặc của 1.000 cá thể chim nước, chim di cư trở lên hoặc nơi nuôi dưỡng và bãi đẻ của ít nhất một loài thủy sản có giá trị;

+ Giữ vai trò quan trọng trong điều hòa nguồn nước, cân bằng sinh thái cho một vùng sinh thái của địa phương, liên tỉnh, quốc gia, quốc tế;

+ Có giá trị đặc biệt về cảnh quan, sinh thái nhân văn, lịch sử, văn hoá đối với địa phương, quốc gia, quốc tế.

Quản lý khu bảo tồn đất ngập nước

Tổ chức quản lý khu bảo tồn đất ngập nước

- Tổ chức quản lý khu bảo tồn đất ngập nước được thực hiện theo quy định của Luật đa dạng sinh học.

- Tổ chức quản lý khu bảo tồn đất ngập nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật đa dạng sinh học và các nhiệm vụ đặc thù sau đây:

+ Quản lý các hoạt động sử dụng dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước theo Quy chế quản lý khu bảo tồn đất ngập nước và quy định của pháp luật có liên quan;

+ Tổ chức thực hiện các hoạt động về bảo tồn vùng đất ngập nước trong khu bảo tồn theo các chương trình, kế hoạch, đề án hoặc đề tài, dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

+ Tổ chức triển khai các hoạt động du lịch sinh thái, phương án chia sẻ lợi ích trong sử dụng bền vững dịch vụ hệ sinh thái khu bảo tồn đất ngập nước sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật;

+ Phối hợp với lực lượng kiểm ngư, kiểm lâm, cảnh sát biển, lực lượng cứu hộ, cứu nạn, các cơ quan quản lý chuyên môn cấp tỉnh và cộng đồng dân cư thực hiện quản lý, bảo tồn và sử dụng dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước;

+ Thực hiện các chương trình kiểm soát, cô lập, diệt trừ các loài ngoại lai xâm hại trong vùng đất ngập nước quan trọng và chương trình bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm thuộc vùng đất ngập nước;

+ Thực hiện đầy đủ chế độ kiểm tra, giám sát, báo cáo định kỳ theo quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan.

Quy định về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước quan trọng thuộc rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển

Các khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển nằm trên hoặc có một phần diện tích đất ngập nước thuộc Danh mục các vùng đất ngập nước quan trọng có trách nhiệm thực hiện các hoạt động sau đây:

- Xây dựng nội dung về bảo vệ, bảo tồn và sử dụng bền vững vùng đất ngập nước trong các kế hoạch, quy chế quản lý khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển.

- Thực hiện các hoạt động bảo tồn hệ sinh thái đất ngập nước, duy trì chế độ thủy văn tự nhiên và đảm bảo chất lượng môi trường nước đối với các vùng đất ngập nước trong khu rừng

đặc dụng, khu bảo tồn biển theo quy định của Nghị định này và quy định pháp luật có liên quan.

- Đánh giá hiện trạng vùng đất ngập nước trong khu rừng đặc dụng, khu bảo tồn biển và thực hiện giải pháp bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học vùng đất ngập nước.

- Báo cáo định kỳ 03 năm một lần hoặc đột

xuất về công tác quản lý vùng đất ngập nước trong khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển cho cơ quan quản lý nhà nước về đa dạng sinh học.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

UBND tỉnh Sơn La ban hành Quyết định về việc phân cấp thẩm định Dự án (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật), thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng trên địa bàn tỉnh

Ngày 01 tháng 7 năm 2019, UBND tỉnh Sơn La đã ban hành Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND về việc phân cấp thẩm định Dự án (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật), thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Phân cấp cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND huyện, thành phố Sơn La (gọi chung là UBND cấp huyện) chủ trì thẩm định Dự án (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật), thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính cấp huyện với nội dung như sau:

1. Thẩm định dự án, thiết kế cơ sở

- Dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 của dự án nhóm C do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

- Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách: Chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án nhóm C do UBND cấp huyện, cấp xã

quyết định đầu tư (trừ các dự án có nội dung chủ yếu về mua sắm hàng hóa cung cấp nhưng có cấu phần xây dựng gồm các hạng mục công trình, công việc không quyết định đến mục tiêu đầu tư, an toàn trong vận hành, sử dụng và có giá trị chi phí phần xây dựng dưới 5 tỷ đồng).

- Dự án sử dụng vốn khác: Chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng, công trình ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng đối với công trình cấp III.

2. Thẩm định dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng quy định tại khoản 2, Điều 5, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ

- Dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

- Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân

sách: Chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ) do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

- Dự án sử dụng vốn khác: Chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại các điểm c và d khoản 4 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 đối với thiết kế bản vẽ thi công (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng, công trình ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng đối với công trình cấp III.

3. Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng

- Dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước) và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của dự án nhóm C do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

- Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách: Chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước) và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của dự án nhóm C do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với công trình cấp III.

- Dự án sử dụng vốn khác: Chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật (trường hợp thiết kế 3 bước), thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế 2 bước) của công trình công cộng, công trình ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với công trình cấp III.

4. Loại và cấp công trình phân cấp thẩm định (bao gồm cả xây mới và cải tạo, nâng cấp, mở rộng)

a. Công trình dân dụng: Công trình cấp IV;

công trình cấp III

b. Công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Công trình cấp III: Hệ thống chiếu sáng công cộng; Tuyến cống thoát nước mưa, cống chung; Tuyến cống thoát nước thải;

- Công trình cấp IV: Công viên cây xanh; Nghĩa trang; Sân bãi để xe, máy móc, thiết bị (không có mái che); Nhà để xe ô tô nổi; Tháp thu, phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình, cột BTS; Đường cáp truyền dẫn tín hiệu viễn thông; Cống cáp; Hào và tuy nèn kỹ thuật; Tuyến ống cấp nước (nước thô hoặc nước sạch) trừ công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn.

c. Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Công trình thủy lợi cấp IV (trừ: Hồ chứa nước, đập dâng, tường chắn nước có chiều cao lớn hơn 5m) có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 7 tỷ đồng;

- Công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 5 tỷ đồng.

d. Công trình giao thông

- Đường ô tô cấp IV;

- Đường đô thị: Đường phân khu vực, đường vào nhóm nhà ở, vào nhà; đường nội bộ trong công trình; đường xe đạp; đường đi bộ;

- Đường giao thông nông thôn;

- Cầu đường bộ nhịp lớn nhất nhỏ hơn 12m, chiều cao trụ cầu nhỏ hơn 6m;

- Cầu vượt dành cho người đi bộ, xe đạp; cầu dây võng, một nhịp (không phải là cầu treo dân sinh), nằm trên đường giao thông nông thôn khổ cầu không lớn hơn 3,5m; Nhịp kết cấu lớn nhất nhỏ hơn 25m, chiều cao trụ cầu nhỏ hơn 15m;

- Cầu treo dân sinh (dành cho người đi bộ, gia súc, xe đạp, xe mô tô/gắn máy và xe thô sơ khác) vận dụng thiết kế mẫu, thiết kế định hình được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận, phê duyệt; chiều dài nhịp nhỏ hơn hoặc bằng 50m,

chiều cao trụ cầu hoặc độ cao tính từ đáy kết cấu dầm thấp nhất tới mặt đất/nước bên dưới nhỏ hơn 15m.

đ. Công trình công nghiệp: Đường dây và trạm biến áp cấp IV; công trình Công nghiệp nhẹ cấp IV.

e. Đối với công trình khác có kết cấu quy mô nhỏ, lẻ khác:

- Kè chắn đất, ốp mái tà luy (trừ các công trình tường chắn, đê, đập... thuộc công trình

thủy lợi), hàng rào lan can bảo vệ và các kết cấu tương tự khác có chiều cao nhỏ hơn 6m;

- Khối xây gạch/đá/bê tông hay tấm bê tông để làm kết cấu nhỏ lẻ như bồn hoa, bia, mộ, mốc quan trắc (trên đất liền)... và các kết cấu nhỏ, lẻ khác.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2019.

Xem toàn văn tại (www.sonla.gov.vn)

UBND tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định một số nội dung về công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, UBND tỉnh Bạc Liêu đã ban hành Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND Quy định một số nội dung về công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Nguyên tắc quản lý trật tự xây dựng

- Quản lý trật tự xây dựng theo Quy định này là việc các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng công trình tuân thủ giấy phép xây dựng, quy hoạch xây dựng, thiết kế đô thị được phê duyệt (nếu có).

- Việc kiểm tra trật tự xây dựng được thực hiện công khai, minh bạch, khách quan, đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Việc kiểm tra trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng được tiến hành thường xuyên từ khi khởi công đến khi hoàn thành việc xây dựng nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý, khắc phục hậu quả các hành vi vi phạm về trật tự xây dựng, bảo đảm ổn định trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh, hạn chế thiệt hại, tổn thất phát sinh do hành vi vi phạm trật tự xây dựng gây ra.

- Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất,

kịp thời, đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Nguyên tắc xử lý

- Công trình, bộ phận công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng phải được phát hiện, lập biên bản, ngăn chặn, xử lý kịp thời và triệt để theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng.

- Việc xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và công dân cùng tham gia giám sát các hoạt động về xây dựng trên địa bàn.

- Mọi thông tin phản ánh về công trình vi phạm trật tự xây dựng đều phải được kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Các quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, bao gồm: Quyết định cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, quyết định cưỡng chế kê biên tài sản, quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản và các văn bản thông báo thời gian tổ chức cưỡng chế phải được gửi cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo đúng quy định.

- Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu vấn thiết kế, nhà thầu vấn giám sát thi công xây dựng công trình có hành vi vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng phải bị xử lý và công bố công khai hành vi vi phạm trên trang tin điện tử của Sở Xây dựng theo quy định.

- Trường hợp xử lý đối với công trình vi phạm qua thông tin phản ánh do các tổ chức hoặc cá nhân chuyển đến thì phải thông báo kết quả xử lý đến tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin được biết để tiếp tục tham gia giám sát.

Nguyên tắc phối hợp

- Công tác phối hợp phải đồng bộ, thống nhất, đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Xây dựng và UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật, nhằm đảm bảo kịp thời trong quá trình kiểm tra, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng.

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Sở Xây dựng, Thanh tra Sở Xây dựng, các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm phối hợp giải quyết công việc theo đúng quy định.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình phối hợp phải thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định.

- Mọi hoạt động của các tổ chức và cá nhân trong phạm vi quản lý Nhà nước về trật tự xây dựng phải được kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật và được thông tin bằng văn bản về hành vi vi phạm trật tự xây dựng đến các cơ quan liên quan biết để phối hợp xử lý.

- Mọi biện pháp xử lý hoặc kiến nghị, đề xuất xử lý phải được các thành viên bàn bạc, dân chủ, công khai, đặc biệt là phải có sự thống nhất giữa cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp theo đúng quy định pháp luật.

Nội dung kiểm tra trật tự xây dựng

Nội dung kiểm tra đối với công trình được cấp giấy phép xây dựng và công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định.

1. Kiểm tra theo các chỉ tiêu, thông số sau:
a) Đối với công trình không theo tuyến và các công trình xây dựng khác

- Vị trí xây dựng công trình, từng hạng mục công trình (với công trình nhiều hạng mục);

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; độ đua mái, ban công, lô gia, ô văng...;

- Diện tích xây dựng (tầng một);

- Cốt nền xây dựng công trình;

- Số tầng công trình (bao gồm cả số tầng hầm);

- Chiều cao công trình so với chiều cao được quy định trong giấy phép xây dựng (độ sâu của công trình tính từ cốt $\pm 0,00$ đối với công trình có phần ngầm).

b) Đối với công trình theo tuyến

- Tim, hướng, tuyến công trình.

- Cốt của công trình (ghi rõ cốt qua từng khu vực).

- Chiều cao tĩnh không của tuyến (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).

- Độ sâu công trình (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực).

2. Kiểm tra sự tuân thủ quy hoạch xây dựng, thiết kế đô thị được duyệt (nếu có) hoặc quy hoạch tổng mặt bằng phương án kiến trúc được chấp thuận; đáp ứng các quy định về hành lang bảo vệ an toàn gồm: Khu di sản văn hóa, di tích lịch sử văn hoá, hệ thống giao thông, thủy lợi, đê điều, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống dẫn điện, dẫn xăng dầu, dẫn khí, thông tin liên lạc, khoảng cách đảm bảo đến các công trình dễ cháy, nổ, độc hại (trừ công trình đã được cấp giấy phép xây dựng).

3. Kiểm tra công tác vệ sinh môi trường, an toàn giao thông, kiểm tra việc ảnh hưởng của công trình xây dựng đối với công trình lân cận (nếu có).

4. Kiểm tra theo các nội dung quy định tại Điều 2, Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp phép xây dựng.

Quy trình kiểm tra

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng và các cơ quan liên quan có trách nhiệm cử công chức chuyên môn phối hợp với cơ quan chủ trì kiểm tra để thực hiện kiểm tra.

- Công chức, viên chức làm công tác kiểm tra thuộc cơ quan chủ trì kiểm tra có trách nhiệm lập biên bản kiểm tra, ghi rõ nội dung kiểm tra, kết quả kiểm tra (đúng, sai so với giấy phép xây dựng đã được cấp, thiết kế được duyệt; yêu cầu xử lý: Điều chỉnh công việc thi công tại công trình theo đúng giấy phép xây dựng, thiết kế được duyệt hoặc tạm dừng thi công công trình để xin điều chỉnh giấy phép xây dựng, điều chỉnh thiết kế, xử phạt vi phạm hành chính hay đề nghị cấp có thẩm quyền xử phạt theo quy định hiện hành. Công chức, viên chức làm công tác kiểm tra thuộc cơ quan chủ trì kiểm tra có trách nhiệm ghi nhật ký kiểm tra để quản lý theo dõi.

Kiểm tra đột xuất

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng chủ trì kiểm tra đột xuất công trình xây dựng khi phát hiện công trình xây dựng có dấu hiệu vi phạm quy hoạch xây dựng (đối với công trình được miễn giấy phép xây dựng), không có giấy phép xây dựng, thi công sai giấy phép xây dựng được cấp (đối với công trình có giấy phép xây dựng) mà không gửi thông báo khởi công theo quy định trên địa bàn thuộc quyền quản lý hoặc khi có yêu cầu của các cơ quan cấp trên. Cơ quan chủ trì kiểm tra có trách nhiệm thông báo tới các cơ quan khác có thẩm quyền kiểm tra để nắm bắt thông tin và thống nhất, phối hợp kiểm tra, giải quyết.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2019.

Xem toàn văn tại (www.baclieu.gov.vn)

UBND tỉnh An Giang ban hành Quyết định quy định quản lý, sử dụng và phát triển cụm, tuyến dân cư và nhà ở vượt lũ sau đầu tư trên địa bàn tỉnh

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, UBND tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND quy định quản lý, sử dụng và phát triển cụm, tuyến dân cư và nhà ở vượt lũ sau đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Tiêu chí tối thiểu để xây dựng nhà ở trong cụm, tuyến dân cư

1. Nhà ở cho các đối tượng ưu tiên được xét duyệt mua nền cơ bản trên cụm, tuyến dân cư khi xây dựng lần đầu phải đảm bảo các tiêu chí tối thiểu như sau:

- Diện tích xây dựng nhà ở không nhỏ hơn 32 m²;

- Niên hạn sử dụng của nhà ở phải từ 20 năm trở lên; đảm bảo tiêu chuẩn “03 cứng” theo

quy định của Bộ Xây dựng;

- Có nhà vệ sinh tự hoại phù hợp tiêu chuẩn vệ sinh môi trường;

- Phải đảm bảo đúng lộ giới, chỉ giới xây dựng được duyệt.

2. Nghiêm cấm việc xây dựng nhà ở trên cụm, tuyến dân cư bằng kết cấu tranh, tre, lá hoặc không đúng các quy định

Quy định về bố trí các điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh

- UBND cấp huyện xem xét, đề xuất điều chỉnh quy hoạch để bố trí các điểm hoạt động, sản xuất kinh doanh phù hợp với tập quán sinh hoạt, việc đi lại, làm ăn sinh sống của người dân nhằm tạo việc làm cho người dân sinh sống

trên cụm, tuyến.

Quản lý về cấp phép xây dựng nhà ở, công trình xây dựng

- Hộ gia đình cá nhân thuộc đối tượng đang sinh sống và làm việc trên các cụm, tuyến dân cư đã được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang, bao gồm: Hộ gia đình, cá nhân đang cư trú trên cụm, tuyến dân cư thuộc đối tượng ưu tiên được UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) xét duyệt cho mua nền nhà và nhà ở trả chậm theo quy định trên cụm, tuyến dân cư; Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân mua nền nhà giá linh hoạt hoặc sang nhượng nền nhà và nhà ở hợp pháp trên cụm, tuyến dân cư; Những người đang công tác trong các công trình hạ tầng xã hội trên cụm, tuyến dân cư; Các cơ sở hoạt động, sản xuất kinh doanh được phép hoạt động trên cụm, tuyến dân cư theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 714/QĐ-TTg: được miễn cấp phép xây dựng nhà ở lần đầu, nhưng khi thực hiện xây dựng nhà ở phải thông báo cho UBND xã, phường, thị trấn quản lý địa bàn, nơi có cụm, tuyến dân cư để quản lý về công tác xây dựng đảm bảo đúng lộ giới, chỉ giới xây dựng được duyệt. Sau thời gian cư trú ổn định, nếu có nhu cầu cải tạo, xây mới phải thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục đề nghị cấp giấy phép xây dựng.

- Các đối tượng quy định ở trên khi xây dựng nhà ở hoặc công trình xây dựng phải thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định.

- Đối tượng là các cơ sở hoạt động, sản xuất kinh doanh được phép hoạt động trên cụm, tuyến dân cư, khi xây dựng các cơ sở hoạt động, sản xuất kinh doanh phải thực hiện trình tự, thủ tục cấp giấy phép xây dựng và các thủ tục, quy định có liên quan về hoạt động sản xuất, kinh doanh hiện hành.

- Trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp phép xây dựng thực hiện theo quy định hiện hành về cấp phép xây dựng và quản lý theo giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang

Quản lý, bảo vệ công trình hạ tầng kỹ thuật

- Mỗi cụm, tuyến dân cư phải xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phục vụ nhu cầu tối thiểu cho sinh hoạt cộng đồng dân cư. Việc xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đều phải theo đúng quy hoạch tổng mặt bằng và đúng thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Công trình hạ tầng kỹ thuật trong cụm, tuyến dân cư bao gồm: Công trình đường giao thông nội bộ (mặt đường, vỉa hè); Công trình cấp nước sinh hoạt (trạm cấp, đài nước, mạng lưới đường ống cấp nước); Công trình thoát nước (cống ngầm, mương nổi, hố ga); Công trình cấp điện (Trạm biến thế, đường dây trung thế, hạ thế); Công trình đê bao (đê bao bằng đất, kè bảo vệ, cây chắn sóng, cây trồng giữ mái ta luy, cây trồng trên khoảng lưu không).

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sống trên cụm, tuyến dân cư có trách nhiệm quản lý, bảo vệ, vận hành, duy tu bảo dưỡng theo quy định chung nhằm khai thác sử dụng tốt các công trình hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng. Chủ động thực hiện hoặc tích cực tham gia các đợt trồng cây do Nhà nước phát động và quản lý, bảo vệ và bảo dưỡng công trình cây chắn sóng bảo vệ đê, bảo vệ môi trường, cảnh quan chung của cụm, tuyến. Việc khai thác cây xanh phòng hộ trên mái ta luy phải tuân thủ theo hướng dẫn của ngành chức năng, đảm bảo số lượng, mật độ còn lại đủ chống xói lở, đảm bảo an toàn cho đê bao các cụm, tuyến dân cư.

- Mọi trường hợp xây dựng, sửa chữa và khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật trong các cụm, tuyến dân cư phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

- Nghiêm cấm mọi hành vi cố ý làm thay đổi, gây hư hỏng, chiếm dụng công trình hạ tầng kỹ thuật trong cụm, tuyến dân cư. Nếu vi phạm, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Quản lý, bảo vệ công trình hạ tầng xã hội

- Công trình hạ tầng xã hội trên cụm, tuyến dân cư được xác định trong quy hoạch tổng mặt bằng được cấp thẩm quyền phê duyệt, được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn Ngân sách, vốn lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu hoặc các nguồn vốn khác, bao gồm: Trạm y tế, nhà trẻ - mẫu giáo, trường học các cấp, chợ, cửa hàng các loại, cây xanh vỉa hè, cây xanh trong khuôn viên nhà; công trình công cộng khác có mục đích phục vụ cộng đồng cụm, tuyến dân cư.

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sống trên cụm, tuyến dân cư có trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng xã hội theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; tham gia trồng, quản lý, bảo vệ cây xanh vỉa hè và khuyến khích tự tổ chức trồng cây trong khuôn viên nhà tôn tạo cảnh quan trong cụm, tuyến dân cư.

- Nhà nước có chính sách ưu đãi, khuyến khích các thành phần kinh tế huy động các nguồn vốn hợp pháp tham gia đầu tư xây dựng công trình hạ tầng xã hội trên cụm, tuyến dân cư theo quy định của pháp luật.

Quản lý nhà ở, đất ở của đối tượng ưu tiên

- Hộ gia đình, cá nhân được xét duyệt cho mua nền nhà trả chậm khi xây dựng nhà ở phải đảm bảo tuân thủ các tiêu chí tối thiểu để xây dựng nhà ở (lần đầu) và khi khởi công xây dựng nhà ở (lần đầu) phải thông báo cho UBND cấp xã theo quy định.

- Nhà ở đã được xây dựng lần đầu trên cụm, tuyến dân cư khi có nhu cầu nâng cấp, mở rộng

phải đảm bảo các điều kiện

+ Không được xâm phạm chỉ giới xây dựng cho phép, không được chiếm dụng diện tích công cộng, không làm ảnh hưởng và thiệt hại cho các hộ liền kề.

+ Trong trường hợp có nhu cầu phá dỡ nhà đã xây dựng lần đầu để cải tạo nâng cấp mở rộng hoặc xây dựng mới phải thực hiện quy trình xin cấp giấy phép xây dựng theo quy định hiện hành.

Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên cụm, tuyến dân cư của đối tượng ưu tiên

- Sau thời hạn 10 (mười) năm, hộ gia đình, cá nhân đã trả hết nợ mua nền nhà và nợ vay xây dựng nhà ở thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Hộ gia đình, cá nhân có quyền chuyển nhượng cho các đối tượng có nhu cầu. Khi chuyển nhượng phải nộp 50% tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ theo quy định tại thời điểm chuyển nhượng.

- Trong thời hạn 10 (mười) năm, hộ gia đình, cá nhân chưa trả hết nợ mua nền nhà và nợ vay xây dựng nhà ở thì vẫn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng bị hạn chế một số quyền: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, tặng cho quyền sử dụng đất, bảo lãnh, góp vốn và ghi chú về việc chưa hoàn thành nghĩa vụ trả nợ mua nền nhà và nợ vay xây dựng nhà ở trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Sau thời hạn 10 năm và đã trả hết nợ mua nền nhà và nợ vay xây dựng nhà ở, hộ gia đình, cá nhân có quyền chuyển nhượng cho các đối tượng có nhu cầu, khi chuyển nhượng phải nộp 50% tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ theo quy định tại thời điểm chuyển nhượng.

- Việc ghi chú trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất về việc: bị hạn chế một số quyền; Thu lại 50% tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ khi chuyển nhượng; Chưa hoàn thành nghĩa vụ trả nợ mua nền nhà và nợ vay xây dựng nhà ở được thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Nghiêm cấm các trường hợp cho thuê mướn nền nhà và nhà ở trên cụm, tuyến dân cư, nếu vi phạm, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

Xem toàn văn tại (www.angiang.gov.vn)

UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quy định đảm bảo an toàn các công trình lân cận và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Quyết định số 30/QĐ-UBND về quy định đảm bảo an toàn các công trình lân cận và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh.

Nguyên tắc chung

- Việc đảm bảo an toàn các công trình lân cận và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công các công trình phải thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường, Luật An toàn, vệ sinh lao động, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật của Chính phủ, Văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành liên quan, Quyết định của UBND tỉnh và văn bản quy định này.

- Công tác thi công xây dựng công trình chỉ được thực hiện khi có thiết kế biện pháp thi công được chủ đầu tư phê duyệt đảm bảo an toàn các công trình lân cận và bảo vệ môi trường.

- Phương án thi công, thiết bị thi công được chọn phải đảm bảo ít ảnh hưởng nhất đến công trình lân cận, môi trường xung quanh.

Quy định cụ thể

1. Đối với Chủ đầu tư và đơn vị được ủy thác quản lý dự án

a. Giai đoạn trước khi thi công

Chủ đầu tư, tổ chức tư vấn khi lập dự án phải khảo sát đầy đủ hiện trạng, các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình kiến trúc thuộc phạm vi mặt bằng thi công và các công trình lân cận, liền kề để có biện pháp đảm bảo an toàn.

- Chủ đầu tư xây dựng công trình có nghĩa vụ thông báo ngày khởi công, báo cáo thông tin công trình bằng văn bản đến UBND cấp xã nơi xây dựng công trình và Sở Xây dựng, Sở quản lý các công trình xây dựng chuyên ngành để thực hiện việc quản lý, kiểm tra theo điểm e Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD và Thông tư số 26/2016/TT-BXD

- Phải phối hợp với chính quyền địa phương nơi đặt công trình xây dựng, lập hồ sơ khảo sát hiện trạng các công trình lân cận (hồ sơ khảo sát hiện trạng có thể được lập bằng cách chụp ảnh, đo vẽ, lập sơ đồ và cần lập thành biên bản có xác nhận của chủ sở hữu, chủ sử dụng và chính quyền địa phương), để theo dõi từ khi khởi công xây dựng công trình đến khi hoàn thành công trình, làm cơ sở pháp lý cho việc giải quyết tranh chấp, đền bù trong trường hợp do hoạt động xây dựng công trình của các chủ thể tham gia xây dựng gây ảnh hưởng đến các công trình lân cận;

- Nếu phải di chuyển công trình hạ tầng kỹ thuật, chủ đầu tư phải liên hệ với cơ quan quản lý hạ tầng kỹ thuật chuyên ngành để được hướng dẫn và thống nhất biện pháp di chuyển. Có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu khảo sát hiện trạng các công trình kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật (kể cả công trình ngầm) cho đơn vị thiết kế để có giải pháp bảo vệ hoặc di dời trước khi thi công công trình.

- Đối với các dự án thuộc diện phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, chủ đầu tư phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt hoặc xác nhận trước khi triển khai dự án; có trách nhiệm lập kế hoạch quản lý môi trường của dự án trên cơ sở chương trình quản lý và giám sát môi trường đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận;

- Phải đặt ra những yêu cầu cụ thể về an toàn đối với công trình lân cận và vệ sinh môi trường trong nội dung hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu. Khi đánh giá hồ sơ dự thầu cần xem xét biện pháp tổ chức thi công để đảm bảo an toàn cho các công trình lân cận, đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình thi công;

- Khi hợp đồng với các Nhà thầu khảo sát, thiết kế, thi công công trình phải có nội dung yêu cầu đảm bảo an toàn các công trình lân cận, công trình ngầm và vệ sinh môi trường;

- Phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng; phê duyệt, chấp thuận thiết kế biện pháp tổ chức thi công của nhà thầu thi công xây dựng bảo đảm an toàn cho công trình và cho các công trình lân cận trong vùng bị ảnh hưởng.

- Đối với công trình xây chen, có tầng hầm, công trình nhà ở riêng lẻ có công trình liền kề theo quy định tại Khoản 2, 4, Điều 15, Thông tư số 15/2016/TT-BXD, Chủ đầu tư, hộ gia đình

phải có văn bản cam kết đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận, công trình liền kề; Đối với nhà ở riêng lẻ có tổng diện tích sàn xây dựng nhỏ hơn 250m² hoặc dưới 03 tầng hoặc có chiều cao dưới 12m hộ gia đình được tự thiết kế, tự tổ chức thi công xây dựng và chịu trách nhiệm về an toàn của công trình và các ảnh hưởng đến các công trình liền kề, lân cận theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 và điểm a, Khoản 1, Điều 6 Thông tư số 05/2015/TT-BXD.

b. Giai đoạn thi công công trình

- Phải thường xuyên kiểm tra, giám sát biện pháp thi công và công tác giữ gìn vệ sinh môi trường của Nhà thầu thi công. Theo dõi những tác động ảnh hưởng tới các công trình lân cận trong quá trình thi công, nếu phát hiện thi công có ảnh hưởng đến các công trình lân cận và làm ảnh hưởng về vệ sinh môi trường thì yêu cầu nhà thầu thi công phải dừng thi công để khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại;

- Khi thi công làm ảnh hưởng tới công trình lân cận, phải có trách nhiệm báo cáo với Sở Xây dựng và UBND cấp huyện (thành phố) nơi công trình đang thi công, tiến hành kiểm kê, đánh giá mức độ ảnh hưởng, lập giá đền bù đối với các công trình lân cận bị ảnh hưởng, đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương sở tại, các cơ quan liên quan và nhà thầu thi công giải quyết sự việc.

2. Đối với nhà thầu khảo sát

- Nhà thầu khảo sát phải tuân thủ các quy định của pháp luật về công tác khảo sát, đồng thời phải khảo sát đầy đủ hiện trạng các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình kiến trúc thuộc phạm vi mặt bằng thi công và các công trình lân cận, liền kề để có biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình đã có.

- Lập Phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng phải thể hiện biện pháp bảo đảm an toàn các công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình xây dựng khác trong khu vực. Phải có biện pháp bảo vệ môi trường trong khu vực khảo sát. Phải hoàn trả mặt bằng sau khi khoan hoặc

đào giếng khảo sát địa chất công trình, phục hồi hiện trường sau khi kết thúc khảo sát.

- Có trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với các công trình lân cận và ô nhiễm môi trường do đơn vị khảo sát gây ra.

3. Đối với Nhà thầu thiết kế

- Thiết kế công trình phải tuân thủ quy chuẩn xây dựng Việt Nam và các tiêu chuẩn xây dựng được phép áp dụng, đảm bảo chất lượng công trình, không ảnh hưởng đến công trình lân cận như lún, nứt, biến dạng, nghiêng, đổ công trình, đồng thời đảm bảo đúng quy định của pháp luật về hành lang bảo vệ các công trình giao thông, đường sắt, thủy lợi, đê điều, năng lượng, khu di tích lịch sử văn hóa và khu vực bảo vệ các công trình khác theo quy định của pháp luật; phù hợp với điều kiện thi công tại địa điểm xây dựng công trình; đảm bảo trật tự, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường, an toàn phòng chống cháy, nổ.

- Phối hợp với Chủ đầu tư và Nhà thầu thi công giải quyết, khắc phục các trường hợp gây ảnh hưởng đến các công trình lân cận trong quá trình thi công.

- Nhà thầu thiết kế phải thực hiện giám sát thường xuyên để kịp thời xử lý những phát sinh trong quá trình thi công xây dựng.

- Bồi thường thiệt hại do lỗi của Nhà thầu thiết kế gây ra làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận và ảnh hưởng môi trường xung quanh.

4. Đối với nhà thầu thi công

- Khi thi công các công việc, hạng mục công trình, công trình xây dựng có yêu cầu đặc biệt, có kỹ thuật phức tạp, xây dựng công trình nhà cao tầng có tầng hầm, xây dựng các công trình có nguy cơ tiềm ẩn làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận khác (Công trình có các công việc như khoan, hạ thấp mực nước ngầm, đào đất, đóng cọc, ép cọc móng, thi công bằng lu, đầm...) nhà thầu xây dựng tuân thủ thực hiện theo các nội dung sau:

+ Nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện khảo sát bổ sung để lập thiết kế biện pháp thi

công bảo đảm an toàn cho các công trình liên kề, lân cận, chỉ được khởi công xây dựng khi đã có giải pháp thi công bảo đảm an toàn được chủ đầu tư phê duyệt, chấp thuận và có đủ các điều kiện khác theo quy định; Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

+ Trường hợp phạm vi hoạt động của máy, mặt bằng công trường hoặc do điều kiện thi công, thiết bị thi công phải đặt ở ngoài phạm vi công trường tạo ra vùng nguy hiểm có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng thì nhà thầu thi công xây dựng phải lập và trình chủ đầu tư phê duyệt biện pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn cho người, tài sản, công trình lân cận, báo cáo cơ quan có thẩm quyền ở địa phương nơi thi công công trình;

+ Thi công công trình theo đúng thiết kế và biện pháp thi công được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận; phối hợp với chủ đầu tư tiến hành kiểm tra các công trình lân cận trước khi khởi công; thường xuyên kiểm tra, theo dõi, lập hệ thống quan trắc biến dạng công trình và các công trình lân cận, liên kề, khi có dấu hiệu bất thường phải tạm dừng thi công và báo cho Chủ đầu tư để tìm biện pháp xử lý, nếu cố tình không thông báo kịp thời để gây ra sự cố thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

- Các công trình thi công dưới đường dây điện trên không hoặc gần trạm biến áp phải có biện pháp thi công đảm bảo an toàn hành lang lưới điện theo quy định.

- Phải đảm bảo về điều kiện làm việc cho người lao động trong quá trình lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm các biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường trong quá trình thi công công trình.

- Nhà thầu thi công phải chịu trách nhiệm thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công; bồi thường thiệt hại do lỗi của nhà thầu thi công gây ra như nứt, lún, nghiêng, đổ vỡ, mất an toàn các công trình lân cận theo quy định của pháp luật.

5. Đối với nhà thầu tư vấn giám sát

- Có trách nhiệm thực hiện giám sát thi công theo đúng thiết kế và biện pháp tổ chức thi công được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận.

- Kiểm tra, theo dõi, phát hiện kịp thời và yêu cầu Nhà thầu thi công thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo đảm an toàn cho các công trình lân cận, an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

- Khi phát hiện các công trình lân cận bị ảnh hưởng do thi công gây ra phải thông báo kịp thời cho Chủ đầu tư và yêu cầu Nhà thầu thi công dừng thi công.

Giải quyết tranh chấp khi xảy ra sự cố công trình ảnh hưởng đến công trình lân cận, liền kề

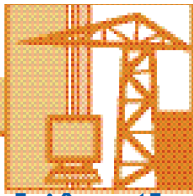
- Trình tự giải quyết thực hiện theo hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng công

trình xây dựng, quy định tại Khoản 2, Điều 22, Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

- Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng công trình có hành vi tổ chức thi công vi phạm các quy định về xây dựng, gây thiệt hại cho công trình lân cận (bao gồm cả công trình hạ tầng kỹ thuật) thì bị xử phạt vi phạm hành chính và bồi thường thiệt hại theo quy định cụ thể tại Khoản 3 điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 3 Thông tư số 03/2018/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

**Xem toàn văn tại
(www.vinhphuc.gov.vn)**



Nghiệm thu Đề tài do Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia thực hiện

Ngày 31/7/2019, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài “Nghiên cứu lập đồ án quy hoạch xây dựng huyện nông thôn mới”, do Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia thực hiện. Chủ tịch Hội đồng, Vụ trưởng Vụ QHKT Bộ Xây dựng Trần Thu Hằng chủ trì cuộc họp.

Thay mặt nhóm nghiên cứu, chủ nhiệm đề tài, ThS. KTS Vũ Hồng Sơn đã báo cáo khái quát về kết quả đề tài. Báo cáo cho biết, hiện nay, cả nước đang chung sức xây dựng Nông thôn mới (NTM) theo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020. Trong quá trình thực hiện Chương trình cho đến nay dưới góc độ quy hoạch xuất hiện vấn đề mới nảy sinh cần được nghiên cứu, định hướng giải pháp. Ngày 05/4/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 558/QĐ-TTg về việc Ban hành tiêu chí huyện NTM và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Theo đó, đây là bộ tiêu chí huyện NTM định hướng chung cho cả nước, trong khi các vùng miền trên cả nước có tình hình phát triển kinh tế - xã hội khác nhau, các tính chất, đặc thù phát triển khác nhau rất cần có bộ tiêu chí đánh giá huyện NTM phân theo vùng miền định hướng phát triển khu vực nông thôn trên cơ sở những tiềm năng và hạn chế của vùng miền. Chính vì các lý do như vậy, đề tài “Nghiên cứu lập đồ án Quy hoạch xây dựng huyện nông thôn mới” trở nên rất cấp thiết. Kết quả của đề tài góp phần hiện thực hóa Bộ tiêu chí huyện NTM theo Quyết định số 558/QĐ-TTg về việc Ban hành tiêu chí huyện NTM và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

Nội dung báo cáo Đề tài gồm 2 phần và 3 chương và danh mục các tài liệu tham khảo. Trong đó gồm: Phần Mở đầu; Chương I. Thực



Toàn cảnh họp Hội đồng nghiệm thu

trạng và quản lý quy hoạch xây dựng (QHXD) nông thôn trong công tác lập quy hoạch (QH) và quản lý QH cấp huyện NTM. Chương II. Phân tích cơ sở khoa học cho việc lập đồ án QHXD NTM. Chương III. Đề xuất giải pháp lập đồ án QHXD NTM; Phần Kết luận.

Các thành viên Hội đồng thống nhất báo cáo đã thể hiện cơ bản các nội dung cần nghiên cứu đối với đề tài “Nghiên cứu đồ án QHXD huyện NTM” theo đề cương đã được phê duyệt. Nhóm tác giả đã đánh giá được thực trạng và quản lý QHXD nông thôn trong công tác lập QH và quản lý QH cấp huyện và các bất cập trong triển khai thực hiện; Phân tích cơ sở khoa học và tham khảo rút kinh nghiệm từ các nước trên thế giới về vấn đề này tại các nước khu vực châu Á: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc về QH, quản lý NTM. Các kết quả nghiên cứu đã thể hiện phù hợp với mục tiêu đề ra của Đề tài; Nghiên cứu đề xuất các giải pháp lập đồ án QH huyện NTM như: Khung tiêu chí QHXD huyện NTM; quy trình lập thẩm định, phê duyệt QHXD vùng huyện NTM; Giải pháp lập nhiệm vụ, đồ án QHXD huyện NTM và giải pháp quản lý QHXD huyện NTM; nên thống nhất tên QHXD vùng huyện NTM và QHXD huyện NTM.

Bên cạnh đó, các thành viên Hội đồng và hai ủy viên phản biện là TS Trần Anh Tuấn – Cục

Hạ tầng kỹ thuật và ThS. Phạm Đức Minh – Vụ Quy hoạch Kiến trúc (Bộ Xây dựng) cũng đóng góp ý một số ý kiến đề nghị nhóm nghiên cứu xem xét, sửa chữa, bổ sung để hoàn thiện báo cáo tổng kết đề tài được tốt hơn. Theo đó, với nội dung phân tích cơ sở khoa học và thực tiễn lập đề án QHXD huyện NTM, cần nêu rõ các bất cập trong văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) về QHXD vùng huyện (đã có và được triển khai từ trước năm 2016) và các yêu cầu đối với huyện NTM được xác định theo QĐ 558 (năm 2016) và chưa được hợp nhất trong các quy định đối với QHXD vùng huyện; Đề xuất trong cơ sở lý luận các vấn đề cần hợp nhất trong quy định cần được bổ sung vào các

VBQPPL (nội dung yêu cầu đối với QHXD và quản lý thực hiện QHXD huyện NTM); lộ trình triển khai QHXD huyện theo các QHXD huyện NTM bổ sung cả tiêu chí theo QĐ 558 (hoặc các nội dung điều chỉnh bổ sung vào các QHXD vùng huyện đã được phê duyệt). Với nội dung đề xuất giải pháp lập đề án QHXD huyện NTM, cần bổ sung các nội dung nghiên cứu đề xuất các vấn đề hoàn thiện VBQPPL đối với QHXD huyện theo yêu cầu QHXD huyện NTM.

Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu, với kết quả đạt loại Khá.

Ninh Hoàng Hạnh

Nghiệm thu dự thảo TCVN do Viện Khoa học công nghệ xây dựng thực hiện

Ngày 14/8/2019, Hội đồng KHCVN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn quốc gia TCVN: “Kết cấu thép trong xây dựng – thi công và nghiệm thu” - mã số: TC 06-17, do Viện Khoa học công nghệ xây dựng thực hiện. Chủ tịch Hội đồng, Cục trưởng Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, TS Phạm Minh Hà chủ trì cuộc họp.

Thay mặt nhóm nghiên cứu biên soạn tiêu chuẩn TCVN “Kết cấu thép trong xây dựng - thi công và nghiệm thu”, chủ nhiệm đề tài, PGS.TS. Nguyễn Võ Thông đã trình bày khái quát thuyết minh dự thảo. Theo đó, hệ thống TCVN đã có trước đây về thi công, nghiệm thu kết cấu thép rời rạc, thiếu tính thống nhất. TCXD 170: 1989 “Kết cấu thép - Gia công, lắp ráp và nghiệm thu - Yêu cầu kỹ thuật” đưa ra những yêu cầu về lắp dựng kết cấu thép với nội dung còn nhiều hạn chế; tiêu chuẩn được ban hành từ lâu nhưng chưa được soát xét, thiếu nhiều nội dung, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế. Dự thảo TCVN “Kết cấu thép trong xây dựng - thi công và nghiệm thu” được biên soạn



Toàn cảnh họp Hội đồng nghiệm thu dựa trên tiêu chuẩn Nga CII 70.13330.2012 với đầy đủ các nội dung liên quan đến thi công và nghiệm thu kết cấu thép trong xây dựng, có điều chỉnh các nội dung không phù hợp với điều kiện áp dụng ở Việt Nam (điều kiện về thời tiết, các biểu mẫu...). Do đó, việc biên soạn dự thảo này có tính khoa học, thực tiễn và cần thiết.

Dự thảo TCVN “Kết cấu thép trong xây dựng - thi công và nghiệm thu” quy định các yêu cầu kỹ thuật khi lắp dựng, nghiệm thu kết cấu thép khi xây mới, cải tạo nhà và các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp. Tiêu chuẩn này

cũng áp dụng cho thi công các công trình cầu đường bộ, đường ống, bể chứa, bình chứa khí đốt, đường hầm, đường tàu điện ngầm, sân bay, công trình thủy; việc thi công các công trình trên nền đất bị sụt lún, trong vùng động đất thì phải tuân theo các yêu cầu bổ sung của các tài liệu tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Tại cuộc họp, các ủy viên phản biện là PGS.TS Vũ Quốc Anh (Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội) và PGS.TS Hồ Ngọc Khoa (Trường Đại học Xây dựng) và các thành viên của Hội đồng đều thống nhất đánh giá dự thảo TCVN: “Kết cấu thép trong xây dựng – thi công và nghiệm thu” được biên soạn đồng bộ với các tiêu chuẩn viện dẫn và các tiêu chuẩn liên quan khác và được trình bày theo quy định của TCVN 1-1:2008, TCVN 1-2:2008, có thể thay thế được hoàn toàn TCXD 170: 1989. Đồng thời Hội đồng cũng đóng góp một số ý kiến để nhóm biên soạn hoàn thiện

dự thảo, như: Chính sửa một số lỗi về in ấn, chính tả, cần dịch sang tiếng Việt một số thuật ngữ cho sát nghĩa và dễ hiểu hơn.

Phát biểu kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, TS. Phạm Minh Hà đánh giá dự thảo tiêu chuẩn đã được xây dựng và hoàn thiện theo đúng bản đăng ký xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, việc biên soạn là cần thiết, có ý nghĩa thực tế cao. Tuy nhiên dự thảo còn nhiều thuật ngữ chưa được Việt hóa, tài liệu viện dẫn còn thiếu. TS Phạm Minh Hà đề nghị nhóm biên soạn tổ chức rà soát kỹ so với nguyên bản tiếng Nga, tiếp thu các ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng để hoàn thiện.

Dự thảo “Kết cấu thép trong xây dựng - thi công và nghiệm thu” đã được Hội đồng nghiệm thu và đạt loại Khá.

Ninh Hoàng Hạnh

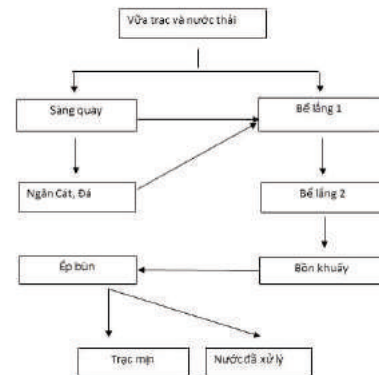
Công nghệ xử lý vữa trạc phát sinh từ trạm trộn bê tông xi măng

1. Giới thiệu chung:

Cùng với sự phát triển ngành Xây dựng, bê tông thương phẩm ở Việt Nam đã được nâng lên mức chuyên nghiệp. Ở những trạm sản xuất bê tông kiểu cũ với hình ảnh bể bọt trạc thải dần được thay thế bằng những cơ sở sản xuất hiện đại, sạch đẹp, ý thức bảo vệ môi trường cũng đã được các nhà đầu tư quan tâm, các trạm đã có bể lắng nhiều cấp và khu tập kết trạc thải.

Ở những trạm có sản lượng bê tông tăng nhanh làm phát sinh lượng lớn trạc thải đã làm cho nước thải không đủ thời gian lưu trong bể lắng mà tràn ra hệ thống thoát nước chung của địa phương gây nguy hại cho môi trường.

Hiện các công nghệ xử lý trạc thải với thiết bị nhập khẩu có giá rất cao, chưa phù hợp với mức tài chính của nhà đầu tư nên nhiều trạm lâm vào trường hợp không còn chỗ để tập kết



Sơ đồ công nghệ xử lý vữa trạc và nước thải bê tông

trạc vữa bê tông.

Nhằm đáp ứng những thách thức của các trạm trộn bê tông thương phẩm, nhóm chuyên gia thuộc Công ty TNHH Máy xây dựng Hoa Đông đã nghiên cứu chế tạo máy SC5500 xử lý vữa trạc bê tông, đồng thời thu hồi lại vật liệu đá và cát trong vữa bê tông đổ xả.

2. Sơ đồ công nghệ xử lý vữa trạc và nước thải bê tông:

Quy trình xử lý được mô tả như sau: Vữa thừa và nước rửa của xe bồn được xả trực tiếp vào sàng quay. Vữa trạc và nước thải phát sinh từ rửa cốt trộn, rửa sân trạm được thu về bể gom ban đầu. Nước lắng sơ bộ từ bể gom ban đầu được chảy về bể lắng. Bơm nước thải đưa nước từ bể lắng tới thùng khuấy tạo keo rồi sau đó bơm tiếp tới máy lọc bùn. Nước sau khi lọc được đưa tới bể chứa phục vụ tái sử dụng cho trạm trộn, rửa xe bồn, rửa trạm.

3. Hình ảnh thiết bị SC5500 xử lý vữa trạc trạm trộn bê tông:



Thiết bị sàng quay



Trạc phát sinh từ cốt trộn

Thông số kỹ thuật của thiết bị SC5500:

- Kích thước máy: Dài x Rộng x Cao = (8200 x 1250 x 2400) mm;
- Công suất động cơ: 3 pha/380v/ 7,5kW;
- Năng suất xử lý: 12-15 m³/ giờ.

Vị trí các bể lắng, bể xử lý nước và khoang vật liệu đá cát được thu hồi hoàn toàn có thể đặt linh hoạt phù hợp với thực tế mặt bằng của trạm trộn.

4. Đánh giá hiệu quả xử lý

TT	Thông số	Đơn vị	Năng suất trạm BTXM			
			60 m ³ /h	90 m ³ /h	120 m ³ /h	180 m ³ /h
1	Năng suất khai thác	m ³ /ngày	336	600	840	1008
2	Vữa trạc phát sinh	m ³ /ngày	2,6	4,8	5,6	6,72
3	Nước thải phát sinh	m ³ /ngày	26	30	42	50,4
4	Lượng cát thu hồi	m ³ /ngày	1,14	2,11	2,4	2,9
5	Lượng đá thu hồi	m ³ /ngày	1,73	3,52	4,1	4,9
6	Lượng bùn trạc thải	m ³ /ngày	0,59	0,72	0,94	1,14

Khi trạm có năng suất đạt 8000 m³/ tháng cho thấy lượng vật tư có thể thu hồi: Cát 63,5 m³; Đá 105,6m³; Trạc mịn được thu gom xử lý chôn lấp hoặc nguồn vật tư sản xuất gạch không nung.

Như vậy sử dụng thiết bị SC5500 xử lý vữa trạc bê tông sẽ thu hồi được lượng lớn vật liệu trong bê tông thừa, đồng thời còn giảm được đến 80% lượng trạc thải phải xúc mang đi chôn

lấp. Cũng qua đó giảm được chi phí đổ thải, bơm hút nước ngầm, nhờ đó tránh cho môi trường không bị ô nhiễm... nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của nhà đầu tư.

TS.Ngô Viết Dân; Mr.Nguyễn Bông

Nguồn tham khảo:

www.thietbihoadong.com

Bảo vệ các kết cấu bê tông tránh ăn mòn vi sinh

Công ty ISC/ Penetron của Mỹ có trụ sở tại thành phố Đông Setauket (East Setauket) nổi tiếng với các chất phụ gia bê tông dạng tinh thể. Sản phẩm nổi tiếng nhất hiện đang được ứng dụng rộng rãi trên toàn thế giới là Penetron admix. Ngoài ra, công ty còn có và đang ứng dụng nhiều nghiên cứu công nghệ khác nhằm bảo vệ bê tông và các kết cấu bê tông. Một trong những phụ gia bê tông công nghệ cao mới nhất là Penetron BioMIC, với lĩnh vực ứng dụng chủ yếu cho các hệ thống cống rãnh và hệ thống thoát nước.

Khi nghe từ "vi khuẩn", mọi người dễ liên tưởng đến mầm bệnh lây nhiễm sang người. Khi đó các bác sĩ sẽ kê đơn thuốc để kháng lại các vi khuẩn này. Nếu tính chất lây nhiễm không được ngăn chặn hoặc thuốc không tác dụng, những vi khuẩn này sẽ khiến con người mắc bệnh, phá hủy hệ miễn dịch đến mức cơ thể người mất khả năng kháng lại các yếu tố gây bệnh, và cuối cùng có thể dẫn đến cái chết. Ít ai liên tưởng khái niệm "vi khuẩn" với vật liệu xây dựng, trừ các nhà chuyên môn. Tuy nhiên, các quá trình xảy ra với vật liệu xây dựng do sự tấn công của vi khuẩn rất giống với những gì xảy ra với một cơ thể sống. Tác động của vi khuẩn lên kết cấu thép và bê tông rất phổ biến, gây ra những tổn thất không nhỏ.

Bê tông - loại vật liệu xây dựng phổ biến nhất trên thế giới cũng chịu sự tấn công của vi

khuẩn. Bê tông góp phần hình thành xương sống của hạ tầng cơ sở toàn cầu, hiện diện trong quá trình xây dựng các công trình có thể nhìn thấy (cầu, đập, công trình nhà ở...) và các công trình gần như không thể thấy, song không kém phần quan trọng, chủ yếu gồm hệ thống cống và hệ thống thoát nước. Khi các công trình ngầm này bị vi khuẩn tấn công, không chỉ các cấu trúc bị phá hủy, mà còn có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến vỉa hè, đường đi và nhà cửa, công trình nằm ở bên trên.

Những đường ống bê tông không được bảo vệ, hố ga và các kết cấu khác trong hệ thống cống và hệ thống thoát nước chắc chắn chịu tác động của nước thải không được xử lý, dẫn đến sự xuống cấp nhanh chóng của bê tông do ăn mòn vi sinh (MIC - Microbiologically Induced Corrosion).

Ăn mòn vi sinh xảy ra bởi vi khuẩn kỵ khí Thiobacillus có trong nước thải chưa qua xử lý. Bị kích thích bởi chính dòng nước thải, các vi khuẩn này hoạt động mạnh hơn, hậu quả là tạo ra hydro sunfua. Khí này một lần nữa lại kích thích sự phát triển của vi khuẩn, dẫn đến sự hình thành axit sulfuric trong hệ thống cống rãnh. Để hình dung sự nguy hiểm của vi khuẩn Thiobacillus, các nhà nghiên cứu đưa ra một thực tế đáng kinh ngạc: Những vi khuẩn này tạo nhiều axit sulfuric hơn toàn bộ ngành công nghiệp hóa chất của thế giới.

Axit sunfuric bắt đầu ăn mòn dần khối xi măng. Khi axit xâm nhập ngày càng sâu hơn vào trong cấu trúc bê tông, nó gây hư hại phần bên trong bê tông, làm giảm chỉ số pH của bê tông, làm hỏng lớp kiềm bảo vệ trên cốt thép. Kết quả, cốt thép sẽ bị rỉ sét, gây tổn thất lớn hơn cho bê tông, và cuối cùng kết cấu công trình hoặc công trình thoát nước sẽ bị hư hỏng. Hơn nữa, axit không chỉ ảnh hưởng đến bê tông và các thành phần của bê tông, mà ở những nơi gia tăng hình thành khí, không đủ thông gió cũng sẽ ăn mòn các kết cấu gia cố kim loại và các bậc thang được xây trong hệ thống cống. Sự kết hợp các yếu tố tổn thương này cuối cùng sẽ phá vỡ sự toàn vẹn trong cấu trúc cả hệ thống cống hoặc hệ thống thoát nước, vô hiệu hóa các hệ thống này.

Để giải quyết vấn đề này, ISC/ Penetron đã nghiên cứu thành công phụ gia kháng khuẩn độc đáo Penetron BioMIC.

Các ống và hố ga bê tông trong hệ thống cống / thoát nước được xử lý bằng Penetron BioMIC qua các thử nghiệm và kinh nghiệm áp dụng trong thực tế được bảo vệ hoàn toàn khỏi sự ăn mòn vi sinh do vi khuẩn tạo axit gây ra. Phương thức hoạt động của Penetron BioMIC có thể được mô tả ngắn gọn như sau: Phụ gia kích hoạt các cơ chế điện vật lý phá hủy các thành tế bào vi khuẩn, khiến chúng bị tiêu diệt; kết quả là axit không được hình thành; cơ chế ăn mòn không bị kích hoạt. Bê tông được bảo vệ hoàn toàn trong suốt vòng đời của kết cấu.

Penetron BioMIC được thêm vào hỗn hợp bê tông trong quá trình chuẩn bị hỗn hợp. Để ngăn ngừa và bảo vệ chống mức độ ăn mòn vi sinh cao, nên dùng Penetron BioMIC theo tỷ lệ 5 lít/ 1m³ bê tông. Penetron BioMIC được đưa vào bê tông với tải nước ban đầu. Đồng thời nhiệt độ của hỗn hợp bê tông không được thấp hơn 4°C. Cũng cần nhớ rằng Penetron BioMIC phải được bảo vệ tránh đóng cứng. Tuyệt đối không dùng phụ gia đã bị đông cứng trước khi sử dụng.

Mặt khác, phụ gia cần được bảo quản ở nhiệt độ không quá 25°C. Với các điều kiện như trên, Penetron BioMIC hình thành liên kết phân tử với bê tông, ngăn ngừa sự phát triển của vi sinh và các cấu trúc khác khiến công trình hư hại và gây mùi, như vi khuẩn, rêu và nấm. Bên cạnh khả năng phá vỡ hoàn toàn các thành tế bào của vi khuẩn và các vi sinh vật khác nếu tiếp xúc với Penetron BioMIC, phụ gia đồng thời có các tính năng cơ bản khác - Penetron BioMIC kháng rỉ sét tốt và không thấm qua bê tông. Các nghiên cứu cho thấy Penetron BioMIC duy trì các tính chất và hiệu quả của mình trong một thời gian rất dài. Các dữ liệu vừa nêu được khẳng định trong quá trình thử nghiệm độc lập. Mục đích chính của thử nghiệm là thiết lập phương thức Penetron BioMIC bảo vệ bê tông khỏi ăn mòn vi sinh.

Trước hết, tất cả các mẫu được sử dụng trong quá trình thử nghiệm đều qua quá trình lão hóa để giảm độ pH của bề mặt, từ đó tạo điều kiện thích hợp cho sự phát triển của vi khuẩn. Các mẫu được coi là sẵn sàng để thử nghiệm sau khi độ pH bề mặt giảm xuống và duy trì ổn định trong ngưỡng pH 6,5 (+/- 0,5).

Một số mẫu bê tông đã được xử lý trước bằng Penetron BioMIC, sau đó các mẫu được xử lý và chưa được xử lý được cho tiếp xúc với vi khuẩn *Thiobacillus*. Loại vi khuẩn này gồm rất nhiều dạng. Vi khuẩn *Thiobacillus novellus* được chọn để thử nghiệm.

Các mẫu được ủ trong 24 giờ, sau đó được lấy ra và cấy vi sinh lên bề mặt. Các thử nghiệm được tiến hành bằng các phương pháp phù hợp tiêu chuẩn quốc tế ISO 22196 - "Phép đo hoạt tính kháng khuẩn trên bề mặt vật liệu". Tiếp theo, các mẫu được xử lý bằng Penetron BioMIC được so sánh với các mẫu không được xử lý.

Kết quả nhiều lần thử nghiệm cho thấy: Trong vòng 24 giờ Penetron BioMIC đã tiêu diệt thành công 99,9% vi khuẩn tạo ra axit sulfuric. (Xem bảng).

Các mẫu	Thời gian	Kết quả (giảm hoạt động của vi khuẩn)	
		Log reduction	%
Không được xử lý	24 giờ	0	0
Được xử lý bằng Penetron BioMIC	24 giờ	2,98	99,9

Bảng: Kết quả thử nghiệm theo ISO 22196

Phạm vi ứng dụng Penetron BioMIC rất rộng, trước hết là bê tông cốt thép lắp ghép: Hồ ga, đường ống, bể chứa và các kết cấu lắp ghép khác được sử dụng trong hệ thống cống/ thoát nước. Phụ gia cũng được áp dụng trong các kết cấu bê tông đúc, chẳng hạn như các công trình lọc nước, hệ thống cống/ thoát nước... Ngoài ra, Penetron BioMIC còn được sử dụng để phục hồi, “chữa” cho bê tông.

Có thể tóm tắt những ưu điểm chính của Penetron BioMIC như sau:

- Ngăn ngừa ăn mòn vi sinh do vi khuẩn tạo axit, kích hoạt cơ chế phá hủy điện vật lý các thành tế bào của vi khuẩn;

- Tiếp xúc nhiều lần với vi khuẩn không làm giảm hiệu quả của Penetron BioMIC. Thời gian hoạt động của phụ gia tương đương toàn bộ

thời hạn sử dụng của kết cấu bê tông;

- Penetron BioMIC khi được áp dụng trở thành một phần không thể thiếu của toàn bộ kết cấu bê tông, do đó phụ gia vẫn có hiệu lực ngay cả khi mài nhẵn bề mặt kết cấu;

- Penetron BioMIC không chứa kim loại nặng hoặc chất gây ung thư. Việc sử dụng sản phẩm tuyệt đối an toàn cho con người và môi trường xung quanh ;

- Penetron BioMIC bảo vệ kháng nhiều tác động sinh học gây hại như nấm, nấm mốc, rêu./.

Công ty ISC/Penetron

Nguồn: Tạp chí Công nghệ bê tông số 5-6/2019

ND: Lê Minh

Vai trò của các lớp vỏ khẩu độ lớn trong việc tạo hình các công trình công cộng

Một trong những xu hướng của kiến trúc hiện đại là sử dụng rộng rãi các kết cấu kim loại khẩu độ lớn. Hơn một thế kỷ trước, kỹ sư người Nga Vladimir Shukhov đã có những đóng góp quan trọng cho sự ra đời và phát triển của loại kết cấu này. Những phát minh của ông được công nhận trên toàn thế giới, và cho tới nay vẫn được các kiến trúc sư nổi tiếng đương đại như Normann Foster, Massimiliano Fuksas, Shigeru Ban, Frank Gehry vận dụng trong các thiết kế của mình. Trong khi đó, ngay tại nước Nga, việc tìm hiểu các giải pháp thú vị, nguyên

bản dựa trên các công trình nghiên cứu độc đáo của Shukhov hầu như chưa có.

Ngày nay, những ý tưởng kết cấu của Shukhov đang trở nên đặc biệt cấp thiết nhờ tính kinh tế, độ tin cậy và tính biểu cảm kiến trúc cao. Trong số các kết cấu dạng mở (hở) của Shukhov, xét về mặt tiêu hao nguyên vật liệu khi che phủ một khẩu độ lớn, lớp phủ treo và vỏ lưới có độ cong gấp đôi (R lớn) được ứng dụng rộng rãi và đạt hiệu quả hơn cả.

Mái che khẩu độ lớn bằng các kết cấu như vậy đạt được hiệu ứng thị giác mạnh mẽ, do độ



Hình 1a: Sân ga Waterloo, London (Anh)

dày không đáng kể của lớp phủ chưa có tiền lệ, xét theo tỷ lệ truyền thống độ dày của các dầm xà/ cột trong kiến trúc nhiều thế kỷ qua. Người xem thường khó có thể hình dung một hệ thống kết cấu tương tự sẽ vận hành như thế nào - điều này mang lại hiệu quả thị giác mạnh mẽ cho các công trình công cộng quy mô lớn có các kết cấu tương tự.

Cho đến nay, nhiều nghiên cứu về hoạt động của các kết cấu khẩu độ lớn đã được công bố, chủ yếu là những mô tả các loại kết cấu khẩu độ lớn (dầm, vì kèo, vòm, vỏ) bằng các vật liệu khác nhau (bê tông cốt thép, gỗ dán, kim loại).

Chức năng căn bản của các kết cấu chịu lực là nhận tải trọng. Các kết cấu vận hành luôn tuân thủ quy luật cơ học, do đó nguyên tắc hoạt động (tức là cơ chế kháng tải trọng bên ngoài) có thể được coi là cơ sở phân loại các kết cấu này. Cùng với trạng thái ứng suất, các hệ thống chịu lực có thể được phân loại theo đặc tính hình học - tuyến tính, hai chiều (phẳng) và không gian (ba chiều). Trong các hệ thống tuyến tính, vật liệu của kết cấu được tập trung dọc theo một đường thẳng (dầm, cột), một đường cong (vòm, cáp) hoặc một đường gấp khúc (khung). Trong các hệ thống chịu lực hai chiều, chẳng hạn như tấm gấp hay vỏ, hai số đo (các kích thước trong thiết kế) tương đối lớn so với đại lượng thứ ba (độ dày). Các hệ thống chịu lực ba chiều có tất cả ba kích thước, và có



Hình 1b: Đường đua olympic tại London (Anh)

thể có hầu hết mọi hình dạng. Các hệ thống được hình thành từ các yếu tố tuyến tính hoặc yếu tố phẳng, trong đó có thể có trạng thái ứng suất trục đơn hoặc trục kép.

Về nguyên tắc, các phân loại hệ thống chịu lực trước đây chủ yếu gói gọn trong vùng hoạt động của các hệ thống chịu lực, hầu như không xem xét phân vùng chức năng, diện mạo kiến trúc của cả công trình, không đề cập tới giải pháp hình khối - không gian của công trình. Do đó, các tác giả bài viết nghiên cứu đề xuất phương án phân loại mới trên cơ sở nguyên tắc hình khối - không gian, trong đó bao gồm mọi khía cạnh kỹ thuật, cấu trúc của các kết cấu, và xem các kết cấu là một phần không thể tách rời của cả công trình, có vai trò tạo hình quan trọng đối với công trình.

Từ kết quả phân tích sự phát triển các công trình công cộng với các hệ thống chịu lực bằng kim loại khẩu độ lớn, có tham khảo kinh nghiệm thiết kế các công trình công cộng trong và ngoài nước, tác giả phân ra ba loại chính dựa trên nguyên tắc hình khối - không gian:

- Lớp vỏ làm lớp phủ;
- Lớp vỏ làm lớp phủ một phần của công trình;
- Lớp vỏ là một yếu tố định hình cơ bản của công trình.

Cách phân loại này dựa trên cơ sở nguyên tắc tạo hình, chứ không phải là nguyên tắc hình học hay nguyên tắc kháng tải trọng ngoài.



Hình 1c: Trung tâm giải trí – thương mại Khan Satyr tại Astana (Kazakhstan)

Trong các công trình có kết cấu khẩu độ lớn, chính các kết cấu này, hoặc vỏ của lớp phủ ảnh hưởng đến việc tạo hình, và tác động trực tiếp tới hình ảnh công trình nhìn từ bên ngoài cũng như bên trong. Việc phân loại như vậy là một công cụ hữu ích đối với các kiến trúc sư, các nhà thiết kế bởi có đề cập tới những vấn đề liên quan tới thiết kế kết cấu cũng như vai trò tạo hình của các kết cấu đó trong kiến trúc công trình.

Lớp vỏ làm lớp phủ

Đặc điểm nổi bật là sự tách biệt rõ ràng phần mặt tiền và lớp phủ. Vỏ tích cực tham gia vào việc tạo hình, song lại tách rời trực quan khỏi khối tích công trình. Giải pháp này phù hợp với các công trình thể thao (sân vận động, bể bơi, đường đua); công trình giao thông (cảng hàng không, nhà ga đường sắt); các công trình thương mại, tòa nhà triển lãm đơn chức năng. Cấu trúc chức năng bên trong của các công trình như vậy đòi hỏi một không gian lớn không trụ đỡ, do vậy, sử dụng vỏ trên toàn bộ khối tích công trình là hợp lý. Sẽ rất khó nếu bố trí nhiều chức năng bên trong một khối tích tương tự. Kết cấu trong trường hợp này không ảnh hưởng nhiều đến tính chất của mặt tiền, nhưng đóng vai trò lớn trong nội thất. Đặc biệt hiệu quả nếu kết hợp với các tường bê tông hoặc các mái tròn bê tông hướng ra phía mặt tiền (Sân vận động Olympic Rome, Ý). Vật liệu khối của các bức tường nhấn mạnh tính không trọng lượng, nhẹ của kết cấu. Xét từ góc độ quy hoạch đô



Hình 1d: Gián triển lãm khoa học và nghệ thuật tại Thường Châu (Trung Quốc)

thị, các công trình có vỏ làm lớp phủ phía trên có ưu điểm lớn. Mặt tiền của công trình là tường, vì vậy có thể dễ dàng điều chỉnh quy mô cho phù hợp không gian đô thị hiện tại.

Trong trường hợp lớp vỏ có độ cong lớn, phản lực gối sẽ được tạo ra bởi các thanh giằng trong mặt phẳng của tường, hay bằng các phần nhô của cong xon ra ngoài mặt tiền. Vỏ có thể truyền tải trọng cho các vì kèo, khung sườn đỡ đang tựa vào các cột hoặc trụ dọc theo chu tuyến công trình. Có thể lấy thiết kế sân ga Waterloo tại London (Anh) làm ví dụ (Hình 1a)

Quy mô lớn của kết cấu đối với người ở bên trong cũng là một khía cạnh quan trọng trong thiết kế các công trình thuộc loại này. Các hệ thống chịu lực lớn chất tải nặng theo phương thẳng đứng bị xem như một yếu tố nội thất nặng nề trực quan ngay trên đầu khán giả, khiến việc ở trong công trình sẽ kém thoải mái. Vấn đề này có thể được giải quyết bằng việc cân nhắc phương án ráp nối hay để mở (hở) các kết cấu khẩu độ lớn.

Các công trình công cộng loại này có đặc điểm sử dụng lớp phủ treo, hệ thống chịu lực không gian được hình thành bởi các kết cấu chịu lực phẳng (sân bay Stansed ở London, Anh, 1991). Lớp phủ treo là phương án tiết kiệm nhất xét về mặt tiêu hao vật liệu. Tuy nhiên, do đặc điểm kết cấu, trần treo thường tăng cảm giác nặng nề của các kết cấu phía trên đầu bên trong công trình. Để loại bỏ hiệu ứng “võng”



Hình 2a: Lớp vỏ có vai trò chủ đạo trong nội thất của Trung tâm mua sắm My Zeil, Frankfurt (Đức)

nặng nề của nội thất, các nhà thiết kế sẽ xem xét lắp đèn chiếu sáng vào trong các lớp phủ, vừa bổ sung ánh sáng vào ban ngày, vừa tạo sự nhẹ nhõm dễ chịu về mặt trực quan cho nội thất công trình.

Lớp phủ treo hình yên ngựa cũng ảnh hưởng tích cực đến khối tích của công trình và cho phép tạo ra mặt tiền linh hoạt (Đường đua Olympic tại London - Hình 1b) Trong trường hợp này, vấn đề quan trọng hàng đầu là tựa trên móng của chu tuyến trụ bằng bê tông cốt thép hay kim loại. Phản lực gối có thể được tạo ra bằng chính chu tuyến trụ đỡ này.

Trong trường hợp hệ thống chịu lực đai kép (ứng dụng trong kiến trúc hiện đại, không phổ biến bằng hệ thống chịu lực đai đơn), trần nhà được ráp nối từ bên trong giúp trần bằng phẳng, phần nào tránh được hiệu ứng “võng” của nội thất. Việc tạo hốc chiếu sáng trong lớp phủ cũng là nét đặc trưng của loại kết cấu chịu lực khẩu độ lớn này.

Một ví dụ khác: Lớp phủ treo được lắp ghép dưới dạng “lều” (trung tâm giải trí - thương mại Khan Shatyr tại Astana, Kazakhstan, 2010). Yếu tố chịu lực cơ bản trong trường hợp này là cáp thép mà lớp phủ trực tiếp được gắn vào. Lớp phủ được thực hiện bằng những kết cấu xuyên sáng - màng polymer, kính, nhựa. Khi lắp đặt kết cấu như vậy, toàn bộ tòa nhà - “lều”, lớp vỏ - lớp phủ đồng thời thực hiện chức năng của mặt tiền và được xem như một khối thống nhất



Hình 2b: Lớp vỏ “thoát ra” qua mặt tiền, trở thành yếu tố ngoại thất tích cực.

(Hình 1c)

Ngoài các lớp phủ treo, các hệ thống không gian phức hợp còn được hình thành bởi các khung, vì kèo, vòm. Khác với giải pháp lớp phủ treo, áp dụng hệ thống chịu lực như vậy cho phép bố cục tự do trong không gian nội thất. Gian triển lãm Khoa học và Nghệ thuật tại Thường Châu là một ví dụ. Lớp vỏ gồm các kết cấu lưới kim loại được phủ một lớp nhựa dẻo hầu như không tương tác với các phòng trưng bày phía bên dưới, tức là vỏ hoạt động như một yếu tố độc lập. Hơn nữa, lớp vỏ vượt ra ngoài ranh giới quy hoạch, tạo thành những mái che kích cỡ khác nhau xung quanh chu vi của tòa nhà, bảo vệ nội thất bên trong tránh tia nắng trực tiếp (Hình 1d)

Lớp vỏ làm lớp phủ một phần công trình

Đặc điểm của các công trình công cộng loại này là kết hợp vỏ - lớp phủ trong một hệ thống chịu lực khác. Có hai giải pháp kết cấu cơ bản để kết hợp, trong đó điểm tiếp xúc của hai hệ thống chịu lực cần được đặc biệt chú ý - lớp vỏ gối lên một phần của tòa nhà hoặc tựa vào những trụ đỡ riêng. Trong trường hợp đầu tiên, về nguyên tắc, lớp vỏ được kết nối tối đa với công trình hiện hữu, điểm nhấn không được tạo ra tại vị trí tiếp xúc. Trong trường hợp thứ hai - lớp vỏ được tách biệt (về mặt trực quan) với công trình, và có lúc vươn cao hơn công trình. Trong bất cứ trường hợp nào, vỏ hầu như không tham gia quá trình tạo hình cho mặt tiền; vai trò



Hình 2c: Mái che sân trong của Bảo tàng British, London (Anh)

của vỏ chủ yếu dựa trên cảm nhận của người xem từ bên trong.

Sử dụng các kết cấu lưới trong loại này là phương án hợp lý nhất, do tránh được hiệu ứng “võng” của các kết cấu bên trong. Hơn nữa lớp vỏ lưới là giải pháp tiết kiệm nhất. Vỏ lưới còn cho phép bố cục linh hoạt, và dễ hài hòa với cảnh quan xung quanh.

Kết cấu dạng thanh đan chéo từ các yếu tố cùng loại được ứng dụng phổ biến nhất đối với các vỏ lưới. Cấu trúc của cả hệ thống cho phép tạo các yếu tố chịu lực dọc từ các thanh, đồng thời có thể linh hoạt làm việc với các cách sắp xếp các thanh khác nhau. Nhờ tính đồng nhất của các yếu tố thành phần, các kết cấu có thể dễ dàng sản xuất và lắp ghép. Tuy nhiên, cho dù có những lợi điểm nhất định, kết cấu các thanh đan chéo được tạo thành từ các module nhỏ vẫn có thể tạo cảm giác “chồng chất” các yếu tố.

Đây cũng là giải pháp hợp lý đối với các nhà ga cảng hàng không, nơi trong một tòa nhà sự phân vùng chức năng rất phức tạp. Do đặc điểm kết hợp kết cấu kim loại khẩu độ lớn vào một hệ thống chịu lực khác, giải pháp này thường được áp dụng trong môi trường xây dựng đô thị hoặc xây dựng lịch sử dày đặc, những nơi cần kết hợp lớp phủ được tạo ra vào hệ thống chịu lực hay công trình lịch sử vốn có. Trong trường hợp này, quy mô của công trình và lớp phủ sẽ thay đổi. Các yếu tố của lớp phủ



Hình 3a. Nhà kính – vườn sinh thái ở Singapore

trở nên tương hợp với con người hơn là trong một công trình lớn, điều này cũng liên quan đến việc thu nhỏ khẩu độ.

Đối với các không gian bảo tàng và triển lãm, do mật độ xây dựng đô thị lớn, lớp vỏ hầu như không được người xem cảm nhận từ bên ngoài, mà được cảm nhận từ bên trong. Cũng nhờ đó, về trực quan, các yếu tố của các kết cấu có thể trở nên nhẹ nhõm tối đa. Tuy nhiên, không phải lúc nào lớp vỏ cũng được cảm nhận từ bên trong. Ví dụ điển hình là trung tâm mua sắm My Ziel tại Frankfurt (Đức). Lớp vỏ với vai trò nội thất là chủ yếu lại “thoát ra” mặt tiền, điều này khiến vỏ cũng trở thành một yếu tố tích cực của ngoại thất (Hình 2a, 2b). Như vậy, cơ hội thể hiện năng lực quy hoạch của vỏ theo nhiều cách khác nhau đáp ứng các điều kiện đô thị đã được hình thành. Trên thực tế, kết cấu trở thành một tác phẩm điêu khắc, mỗi yếu tố trong đó được thực hiện hết sức tỉ mỉ. Lớp phủ được thực hiện bằng chất liệu xuyên sáng nhằm nhấn mạnh tính “không trọng lượng” của mình. Trong một số trường hợp khác, không gian lịch sử hoàn toàn không bị ảnh hưởng, không tương tác về mặt kết cấu với lớp vỏ (mái che sân trong của Bảo tàng Anh, London - hình 2c)

Lớp vỏ như một tòa nhà (có vai trò như yếu tố định hình cơ bản của công trình)

Khác với loại hình thứ nhất đặc trưng bởi mức độ tham gia cao của vỏ, loại hình công trình công cộng này đặc trưng bởi vai trò chủ



Hình 3b. Ga hàng không Thâm Quyến (Trung Quốc)

đạo của lớp vỏ trong việc định hình cả công trình. Lớp vỏ gần như phủ khắp, hình thành diện mạo bên ngoài cũng như bên trong của công trình. Vấn đề chính ở đây là việc lựa chọn hệ thống chịu lực của lớp vỏ - lớp phủ. Hợp lý và hiệu quả cao nhất là ứng dụng hệ thống vỏ lưới chịu lực trong không gian tạo thành một lớp phủ có độ cong lớn hoặc không đều nhau.

Loại hình này bao gồm các công trình công cộng với các mục đích chức năng khác nhau - giao thông, công trình thể thao, bảo tàng, với đặc điểm chung là tính trực quan, hiệu ứng cao đối với thị giác của người xem. Các công trình công cộng thuộc loại này có chức năng phục vụ cộng đồng, và thường không nằm trong khu vực xây dựng mật độ lớn mà ở vùng ngoại ô hoặc các khu vực rộng lớn không thuộc khu dân cư trong nội đô (trên các quảng trường). Các công trình luôn nổi bật trong không gian xung quanh, trên thực tế trở thành trung tâm không gian nhờ có quy mô lớn. Sự tuân thủ điều kiện này là cần thiết để tránh sự quá tải của hạ tầng giao thông - dòng khán giả hoặc hành khách cần được phân bố trên một diện tích lớn xung quanh công trình. Như vậy, đặc thù của loại công trình này là sự hiện diện một khu vực trống trải, quảng trường, hệ thống các quảng trường xung quanh - khán giả khi hướng đến công trình có thể nhìn thấy công trình đó từ xa. Chính điều này ảnh hưởng đến quá trình thiết kế mặt tiền - các yếu tố mặt tiền được gia tăng về quy mô nhằm tạo



Hình 3c. Tòa nhà Trung tâm vận chuyển đa phương thức Anaheim (Mỹ)

khả năng cảm nhận công trình từ xa. Ngoài ra, trên mặt tiền còn có các yếu tố nhỏ hơn, hoặc có quy mô tương xứng với con người, vì khán giả khi đến gần tòa nhà sẽ có nhu cầu liên hệ bản thân với tòa nhà.

Theo nguyên tắc, về nội thất, các kết cấu khẩu độ lớn của lớp phủ vẫn hở từ bên trong, điều này hợp lý không chỉ về mặt kinh tế (ghép nối trần ở một diện tích lớn như vậy đòi hỏi rất nhiều chi phí) mà cả về mặt thẩm mỹ.

Đối với loại hình công trình này, việc phân vùng chức năng bên trong, vị trí tương ứng với các kết cấu được sử dụng là vấn đề đầu tiên cần chú ý. Các chức năng cả cơ bản và bổ trợ đều được phân bố bên trong lớp vỏ - lớp phủ, tức là lớp vỏ vừa là mặt tiền, vừa là mái nhà (ví dụ điển hình là nhà kính - vườn sinh thái của Singapore - hình 3a). Các công trình giao thông thường đặc trưng bằng phân vùng chức năng tuyến tính, ví dụ trong nhà ga cảng hàng không Thâm Quyến (Trung Quốc, 2013). Theo thiết kế, tòa nhà là hai "đường ống" khổng lồ đan chéo nhau với rất nhiều ô nhận ánh sáng. Mặt cắt ngang của các "ống" gần giống hình elip, bên trong có nhiều mức để phân vùng các khu chức năng chính và bổ trợ. Việc đi lại của hành khách được tổ chức ở các mức bên trên, với trần và tường cao. Do đó, hành khách có trải nghiệm trọn vẹn là đang di chuyển bên trong các đường ống (hình 3b).

Đối với những công trình loại này, tính biểu

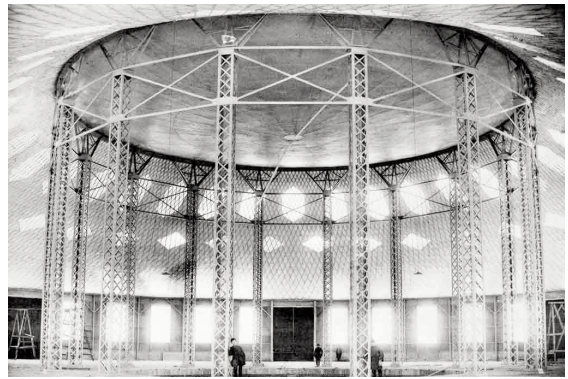
cảm của các kết cấu cả nội thất lẫn ngoại thất rất được chú trọng, vì các kết cấu vừa là khung bên trong, vừa là khung bên ngoài của công trình. Ví dụ rõ nét là Trung tâm vận chuyển đa phương thức thành phố Anaheim (Mỹ) (Hình 3c)

Nếu là tòa nhà triển lãm, chức năng trưng bày cơ bản có thể chiếm toàn bộ không gian bên trong của tòa nhà, theo cả chiều ngang và chiều dọc, nghĩa là phân vùng chức năng theo tầng bậc theo chiều dọc (ví dụ như Bảo tàng Hàng hải Osaka, Nhật Bản (2010), nhà kính - vườn tại Singapore (2012)).

Các kết cấu kim loại khẩu độ lớn luôn cho nhiều phương án lựa chọn giải pháp hình khối - không gian đối với các tòa nhà/ công trình công cộng. Thực tiễn kiến trúc thế giới cho thấy các hệ thống chịu lực khẩu độ lớn có tiềm năng lớn để tiếp tục phát triển. Trong khi đó, thực tế kiến trúc hiện đại các tòa nhà, công trình công cộng trong nước (Nga) có rất ít ví dụ mới trong vòng một phần tư thế kỷ qua - Cung thể thao trên băng ở Krylatsky (2004), ở Kolomna (2006) và Angarsk (2007), sân bóng đá ở Krasnodar (2016).

Cần lưu ý một điều: Việc áp dụng kinh nghiệm trong nước để thiết kế vỏ kim loại có khẩu độ lớn có tiềm năng rất lớn. Kiến trúc Nga đang thừa hưởng một di sản đồ sộ của kỹ sư V. Shukhov - người lập ra các nguyên tắc thiết kế những kết cấu kim loại khẩu độ lớn được áp dụng rộng rãi trong kiến trúc hiện đại: lớp vỏ lưới cũng như khối tích hình dạng hyperbol được phân biệt bởi độ cứng không gian và sự dễ nhận biết của thị giác, lớp phủ treo cho phép bao phủ một khẩu độ lớn với chi phí vật liệu kết cấu tối thiểu.

Shukhov đã phát minh kết cấu dạng hyperbol vững chắc để xây tháp nước có khả năng tải các bể chứa khổng lồ, đồng thời được lắp ráp từ các yếu tố đường thẳng. Hơn nữa, kết cấu lưới chịu tải trọng gió tối thiểu. Lớp vỏ có độ cong lớn được sản xuất lần đầu tiên trong phân xưởng nhà máy luyện kim Vyksa vùng Nizhny Novgorod năm 1898 có thể phủ một khẩu độ



Hình 4. Gian hàng của Bộ phận Xây dựng & Kỹ thuật tại triển lãm Nghệ thuật & Công nghiệp toàn Nga năm 1898 – tác phẩm của V.Shukhov

lớn 38m. Tuy nhiên, đó chưa phải là lý do để xuất hiện lớp vỏ lưới không gian. Khi phát triển sơ đồ kết cấu các lớp phủ lưới hình vòm (các hệ thống cong đơn), Shukhov đã quyết định “bẻ cong” tuyến của các trụ đỡ dọc của các vòm đan nhau. Phương pháp bẻ cong tuyến trụ đã tạo cho cả hệ thống độ cong thứ hai, tạo độ cứng không gian bổ sung mà không ảnh hưởng tới các ưu điểm về mặt kết cấu đặc trưng cho lớp phủ lưới dạng hình trụ. Giải pháp hình khối - không gian và giải pháp kết cấu của Shukhov cho phép ứng dụng hiệu quả tối đa các đặc điểm của lưới hình trụ bị “bẻ cong”, vì các vòm đan nhau được kết hợp vào hoạt động không gian của hệ thống, và bất kỳ tải trọng định hướng nào cũng sẽ gặp lưới vòm.

Lớp vỏ có độ cong gấp đôi là kết quả phát triển của lớp vỏ dạng vòm và duy trì tất cả các ưu thế vốn có của các hệ thống có một lượng lớn các yếu tố cùng loại. Bố cục đan xen của các vòm làm cho các liên kết trở nên chắc chắn, đồng thời làm giảm tiết diện của các vòm, vì mỗi vòm trong đó đều sẽ được đặt trong vỏ lưới nên hoạt động rất hiệu quả. Như vậy, lần đầu tiên trên thế giới, kỹ sư người Nga Shukhov đã tạo ra một lớp vỏ lưới có độ cong gấp đôi từ các yếu tố cùng loại, giúp việc lắp ráp hệ thống chịu lực đơn giản hơn nhiều. Vỏ lưới giúp tiết kiệm gần 40% lượng kim loại tiêu thụ so với hệ thống dầm đỡ hình chùm tia truyền thống, và không đòi hỏi

việc lắp đặt các thanh gỗ dày đặc.

Lớp vỏ của Shukhov ngoài việc tiết kiệm và sử dụng kim loại hiệu quả còn rất hiệu quả trong việc tạo hình kiến trúc, ví dụ điển hình là các gian trung bày trong Triển lãm Nghệ thuật và Công nghiệp toàn Nga lần thứ XVI, được tổ chức vào năm 1898. Phát minh nổi bật nhất (song trong nhiều thập kỷ không được chú ý và đánh giá tương xứng) là mái gian hàng của bộ phận Xây dựng và Kỹ thuật (mái tròn theo thiết kế) có dạng lõm vào bên trong, bằng tấm sắt mỏng có mép được gắn chắc vào một đai phía trên, đường kính 25m.

Gian hàng được phủ một lưới nhẹ, được đỡ bằng tấm mái sắt có những đường cắt để lắp đèn chiếu sáng. Lưới được thực hiện từ hai hệ thống thanh kim loại đan nhau. Hệ thống chịu lực dọc cơ bản của gian hàng được thiết kế dưới dạng hai hình trụ đồng tâm có đường kính khác nhau. Hình trụ bên trong cao hơn được hình thành bởi 16 cột lưới tiết diện vuông đỡ mái vòm với trần treo. Đai trụ của mái vòm này nằm trên các đầu cột và kết nối các cột từ bên trên. Sự ổn định về mặt không gian của hình trụ bên trong được đảm bảo bởi các liên kết đan chéo nằm bên dưới các đầu cột, giữa mỗi cặp cột liền kề. Đồng thời, các liên kết độ cứng (là một yếu tố quan trọng của khung chịu lực) không phá vỡ ấn tượng chung về sự nhẹ nhõm của các kết cấu. Đường kính bên ngoài của gian hàng là 68m; chiều cao các tường ngoài (hình trụ bên ngoài) là 6,4m; chiều cao của các cột của hình trụ bên trong là 15m. Nhờ sơ đồ rõ ràng của lớp phủ treo với một số lượng lớn các yếu tố cùng loại và các yếu tố nút đơn giản, việc treo các

cấu hình tạo thành lưới chịu lực kim loại giữa các hình trụ bên trong và bên ngoài chỉ mất chưa đầy 10 ngày (Hình 4). Nhiều thiết kế khác của Shukhov tiếp tục được ứng dụng trong những công trình kiến trúc nổi tiếng thời kỳ Xô viết - mái vòm sân ga đường sắt Kiev tại Moskva (1918) hay mái vòm Trung tâm thương mại Moskva (tòa nhà GUM trên Quảng trường Đỏ - 1923)...

Đó là những kết cấu vỏ treo đầu tiên xuất hiện từ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Trong thế kỷ XXI, kết cấu vỏ treo được tiếp tục phát triển, được coi là một trong những dạng lớp phủ hiện đại nhất của các kết cấu khẩu độ lớn. Các kết cấu tương tự có triển vọng ứng dụng rất lớn đối với các công trình công cộng có nội thất đòi hỏi bố cục tự do hoặc nhiều không gian mở.

Các kết cấu kim loại khẩu độ lớn của Shukhov trải qua hơn một thế kỷ cho tới nay vẫn giữ nguyên tính cấp thiết trong thực tiễn kiến trúc hiện đại của thế giới, và có thể trở thành nền tảng cho sự phát triển kiến trúc hiện đại của Nga. Rõ ràng là các hệ thống chịu lực của Shukhov ở dạng ban đầu sẽ không thể đáp ứng đầy đủ các yêu cầu hiện nay của kiến trúc, nhưng những nguyên tắc hình thành các hệ thống này vẫn nguyên vẹn giá trị. Với các công nghệ thiết kế và xây dựng hiện đại, việc định hình và tìm kiếm mục đích chức năng mới cho các kết cấu của Shukhov sẽ có thể được thực hiện tích cực hơn, hiệu quả hơn.

A. Dushkevich & các cộng sự

Nguồn: Tạp chí Architecture & Modern Information Technologies tháng 1/2018

ND: Lê Minh

Xử lý rác thải tại Nhật Bản

Hiện nay, Nhật Bản đã giải quyết được 90% vấn đề rác thải, và sống theo triết lý mottainai - tránh lãng phí.

“Mottainai” là một triết lý Phật giáo cổ rất xem trọng nguồn tài nguyên sẵn có, không lãng

phí các nguồn tài nguyên này và sử dụng các tài nguyên với lòng biết ơn.

Trong lịch sử, Nhật Bản là quốc gia đầu tiên bắt đầu giải quyết vấn đề tái chế rác thải vào thế kỷ XI, trong khi châu Âu chỉ biết đến công

việc này vào cuối thế kỷ XVII. Người Nhật đã bắt đầu thu gom giấy loại và tái chế thành giấy mới từ năm 1031. Còn tại Mỹ, từ năm 1690, giấy thải mới bắt đầu được tái chế công nghiệp tại các nhà máy gần Philadelphia.

Ngày nay, thu gom và xử lý rác thải đã trở thành lối sống của người Nhật được hình thành trên cơ sở tình yêu thiên nhiên, và được nâng lên thành luật. Ngoài những quy định chung thống nhất trong cả nước, mỗi địa phương còn có những đặc điểm riêng và cũng có những yêu cầu riêng đối với việc thu gom, phân loại và xử lý rác thải.

Các quy định chung trước hết đề cập đến bốn loại rác: Dễ cháy, không đốt được, có thể tái chế thành nguyên liệu thứ cấp và rác khối tích lớn. Để thu gom loại thứ tư (được dán nhãn mác đặc biệt, được vận chuyển theo các đơn đặc biệt với chi phí theo quy định), cần phải gọi điện tới công ty thu gom rác, đưa ra yêu cầu, sau đó nhận thông báo khi xe chở rác đến. Thiết bị gia dụng không được xếp vào loại rác này, chủ yếu chỉ có đồ gỗ cũ. Theo quy định, các thiết bị gia dụng phải được xử lý riêng và cũng phải thanh toán cho cửa hàng nơi khách mua thiết bị hoặc cho công ty sản xuất để tái chế thiết bị này. Việc xử lý các thiết bị gia dụng mang về cho đất nước hơn 1 triệu tấn sắt và 50 nghìn tấn kim loại màu mỗi năm. Ngoài ra còn có các quy định chung cho tất cả các loại rác - rác cần được thả trong những túi trong suốt hoặc bóng mờ để có thể nhìn thấy rõ.

Rác được thu gom trước 8h30 mỗi sáng. Ngày thu gom rác tại mỗi thành phố và ở từng khu vực trong thành phố được quy định khác nhau. Chẳng hạn, tại thành phố Kita Kyushu, vào các ngày thứ tư trong tuần chỉ thu gom lon và chai, thứ năm - bao bì nhựa, thứ sáu - rác dễ cháy. Nếu đột nhiên muốn vứt bỏ loại rác khác ngoài lịch thu gom, công nhân xe rác sẽ không tiếp nhận. Còn nếu cứ bỏ túi cạnh xe rác, toàn bộ hợp tác xã nhà ở sẽ bị phạt. Khoản tiền phạt này ở Nhật rất cao, tới vài trăm USD.

Trong các thành phố Nhật Bản, trên các đường phố đều bố trí thiết bị phân loại rác. Việc này trước hết tạo thói quen về sự quy củ cho những người dân cũng như các vị khách của Nhật Bản. Các lỗ trên các thùng rác được tạo hình sao cho thùng chỉ tiếp nhận rác đã được phân loại nghiêm chỉnh. Để dễ hiểu thùng nào dành cho loại rác nào, tất cả hàng hóa mua trong các cửa hàng ở Nhật Bản đều có nhãn mác giúp người mua hiểu cần bỏ rác vào đâu. Ví dụ: Trên một lọ sữa chua thông thường, luôn có ký hiệu chỉ rõ nắp chai phải được vứt vào thùng rác nhựa, còn thủy tinh do được xếp loại rác thải dễ cháy cần bỏ vào thùng khác. Hiện nay, Nhật Bản đã tái chế 80% giấy loại được thu gom, lượng giấy loại còn lại được đốt. Xấp xỉ 2/3 toàn bộ lượng rác thải tại nước này được đưa đi đốt. Đốt rác vốn bị coi là giải pháp không thân thiện môi trường trên toàn thế giới, tuy nhiên Nhật Bản và Mỹ là những ngoại lệ, vì hai quốc gia đang ứng dụng công nghệ đốt rác hiện đại nhất - khí hóa plasma, trong đó dòng plasma với nhiệt độ 1200°C hoặc cao hơn không tạo ra hắc ín, và rác thải độc hại bị tiêu hủy hoàn toàn. Trung bình đốt 30 tấn rác thu được 6 tấn tro; lượng tro này tiếp tục được làm sạch và sử dụng trong lĩnh vực xây dựng. Các nhà máy không chỉ tiêu hủy rác mà còn sản xuất điện từ việc đốt rác, cung cấp cho các hộ dân trong thành phố, nhà tắm và bể bơi.

Đối với người Nhật, tái chế rác đã trở thành một phần của sự hài lòng - đây cũng là một khía cạnh trong triết lý mottainai. Gần các nhà máy tái chế rác luôn có các công viên. Các tour tham quan các nhà máy được tổ chức thường xuyên. Các tiết học của học sinh được tổ chức ngay tại các phòng được trang bị đặc biệt trong nhà máy.

Tro xỉ thu được từ việc đốt rác được tích cực sử dụng trong xây dựng, được ép thành từng khối lớn để xây nhà và các đảo nhân tạo. Nổi tiếng nhất trong các "đảo từ rác" là Odaiba trong Vịnh Tokyo, nơi có các tổ hợp dân cư cao

cấp, và là nơi có giá trị bất động sản cao nhất của Nhật Bản. Người Nhật cũng phát huy ý tưởng của Các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất để xây sân bay quốc tế Chubu và Kansai trên các đảo nhân tạo. Trong Vịnh Tokyo gần Tokyo - nơi giá đất vô cùng đắt đỏ, những diện tích nhân tạo rộng lớn xấp xỉ 250 km² đã được hình thành để thực hiện các ý tưởng này.

Không phải tất cả rác đều đem đi đốt - xấp xỉ 20% lượng rác thải của Nhật được tái chế. Từ phế liệu thủy tinh có thể sản xuất các chai lọ, thậm chí cả các tấm ốp tường; từ nhựa có thể sản xuất đồng phục thể thao, quần áo chuyên dụng và thảm. Người Nhật cũng học hỏi kinh nghiệm từ những quốc gia đang thúc đẩy chương trình “không rác thải”. Bản chất của chương trình không chỉ giảm thiểu rác thải mà còn giảm thiểu các vật liệu được sử dụng.

Trong xã hội Nhật Bản hiện đại, triết lý *mottainai* rất phổ biến, bản chất của triết lý này là “đừng vứt bỏ bất cứ vật gì cho đến khi đã tận dụng toàn bộ”.

Chính quyền thành phố Kamikatsu đang thực hiện ý tưởng từ bỏ hoàn toàn hàng hóa dùng một lần. Năm 2003, Kamikatsu bắt đầu tích cực cải tổ cơ cấu nhằm giảm số lượng hàng hóa dùng một lần, mục tiêu cuối cùng là tới năm 2020 trở thành thành phố hoàn toàn không có rác thải. Hiện tại, 60% dân số Kamikatsu đang ủng hộ hàng hóa sử dụng nhiều lần, giúp giảm đáng kể lượng rác thải. Theo quy định của Chính quyền thành phố, mỗi người bán hàng có nghĩa vụ báo cáo hàng năm về những gì bản thân đã làm để khách hàng ít dùng túi nylon nhựa hơn.

Người Nhật vốn chuộng sử dụng các bao bì, mỗi năm có hơn 30 tỷ túi nylon nhựa được sử dụng trong nước. Nhưng giờ đây Chính phủ Nhật đã bắt đầu đẩy mạnh việc sử dụng tiết kiệm: Trong các cửa hàng thông thường ngay ở lối vào, khách mua có thể lấy đồng xu xanh, để người bán hiểu người mua từ chối bọc gói hàng.

Triết lý *mottainai* không chỉ liên quan đến

bao bì, mà tất cả các mặt hàng gia dụng. Triết lý này cũng phù hợp với các nguyên tắc của đạo Shinto (Thần đạo - tôn giáo chính thống của Nhật Bản) khi quan niệm “mọi của cải trên trái đất đều được thiên nhiên ban tặng, do đó lãng phí một vật gì đó không cần thiết, để mất hoặc vứt đi đều là tội lỗi”. Vì vậy, người Nhật luôn cố gắng ứng xử thận trọng với mọi thứ hàng hóa, và có ý thức truyền đạt điều này cho các thế hệ trẻ.

Nhật Bản còn nhập rác để tái chế thành vật liệu xây dựng, lượng rác này chiếm khoảng 150 nghìn tấn mỗi năm, chủ yếu rác nhập đến từ Hàn Quốc và Trung Quốc. Bộ Môi trường Nhật đã yêu cầu nguồn vốn ngân sách bổ sung để thu gom và tái chế rác nhập khẩu. Chẳng hạn, thành phố Tsushima mỗi năm chi khoảng 70 nghìn USD từ ngân sách để xử lý rác nhập.

Tất nhiên, không phải mọi vấn đề liên quan tới rác thải ở Nhật Bản đều được giải quyết tốt. Luật về xử lý rác thải đã được thông qua vào những năm 90 của thế kỷ trước. Cho đến thời điểm đó, cũng như nhiều nơi khác trên thế giới, người Nhật đã làm ô nhiễm hòn đảo Teshima của mình bằng rác thải độc hại đến mức tới nay họ vẫn chưa biết phải làm gì với vấn đề này. Năm 1999, Nhật đã đối diện với vụ scandal lớn khi cố gửi rác thải độc hại tới Philippines. Vụ bê bối bị vỡ lở, các công ty Nhật phải nhận lại rác, nhưng không kịp nên chịu phạt rất lớn - 280 triệu yên (tương đương 2,5 triệu USD theo thời giá lúc đó).

Các thành phố lớn của quốc đảo như Tokyo và Nagoya cho tới nay vẫn chưa thể giải quyết hoàn toàn bài toán sinh thái, bởi vì ngay cả sau khi đốt rác, tro xỉ vẫn không biết vận chuyển đi đâu. Trong khi đó, trên các đảo Honshu và Hokkaido, tro xỉ sau đốt rác được vận chuyển tấp nập tới phía bắc và đông bắc để tái chế thành vật liệu xây dựng.

Còn một vấn đề nữa - cả nước có hơn 2 nghìn nhà máy tái chế rác thải, song bản thân người Nhật không thực sự muốn làm việc tại đó, mặc dù thực tế hầu hết các quy trình đều được

tự động hóa, robot hóa, các bức tường của nhiều nhà máy được làm bằng vật liệu trong suốt để có thể quan sát toàn bộ quy trình tái chế, và các nhà máy đều là những thiết kế của các kiến trúc sư nổi tiếng nhất trong nước.

Nhật Bản với tình trạng khan hiếm đất đai đã giải quyết được 9/10 vấn đề rác thải. Tuy nhiên, về mặt tái chế, Nhật vẫn còn thua nhiều nước

công nghiệp phát triển khác, như Hà Lan và Vương quốc Anh, những nơi có tỷ lệ rác được tái chế tương ứng 51% và 39%.

V.Chen

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 17,
tháng 4/2018*

ND: Lê Minh

Thứ trưởng Bùi phạm Khánh làm việc với đoàn chuyên gia JICA

Ngày 5/8/2019, tại Hà Nội, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh có buổi làm việc với Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) về Dự án Tăng cường năng lực trong phát triển các công cụ quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng (Dự án).

Tại buổi làm việc, Trưởng đoàn khảo sát Shuntaro Kawahara và các thành viên của JICA đã trình bày khái quát Ma trận chi tiết dự án. Theo đó, Dự án có mục tiêu tổng thể là cải thiện hệ thống dự toán chi phí công trình sử dụng vốn công ở Việt Nam và tăng cường năng lực của Bộ Xây dựng trong việc cải thiện hệ thống dự toán chi phí công trình sử dụng vốn công.

Theo Trưởng đoàn khảo sát Shuntaro Kawahara, để lập Ma trận chi tiết đảm bảo phù hợp nhất cho việc triển khai Dự án, Đoàn khảo sát của JICA và Bộ Đất đai, Hạ tầng, Giao thông và Du lịch Nhật Bản (MLIT) đã làm việc cùng Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan để thu thập thông tin, trao đổi ý kiến, thảo luận và lập kế hoạch khung triển khai Dự án.

Dự án sẽ có 5 đầu ra, trong đó, đầu ra 1 và đầu ra 2 sẽ tập trung cải thiện dự toán chi phí trực tiếp, cụ thể là tăng cường năng lực về lập định mức năng suất thi công về vật liệu, nhân công, máy móc và tăng cường năng lực về lập đơn giá vật liệu, nhân công, máy móc.

Đầu ra 3 sẽ cải thiện dự toán chi phí gián tiếp bằng cách tăng cường năng lực về lập dự toán chi phí gián tiếp. Đầu ra 4 sẽ tập trung tăng cường năng lực về lập định mức khảo sát, thiết kế và quản lý dự án để cải thiện dự toán chi phí thiết kế, quản lý dự án. Đầu ra 5 sẽ cải thiện hệ thống dự toán bằng cách tăng cường năng lực cải thiện hệ thống và quy trình lập dự toán.

Nội dung của 5 đầu ra là khác nhau, nhưng cách thức thực hiện sẽ giống nhau, bao gồm 4 công việc: Rà soát và nắm được tiến trình thực



Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh đã chủ trì cuộc họp về Dự án tăng cường năng lực trong phát triển các công cụ quản lý Nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng

hiện Đề án 2038/ QĐ-TTg về Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng; lập phương pháp xây dựng định mức về năng suất, đơn giá; lập quy trình thực hiện khảo sát thực tế và thí điểm ở một số công trình; Triển khai đào tạo cho các đối tượng có liên quan đến quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng.

Dự thảo cũng đã nêu ra cơ cấu tổ chức thực hiện Dự án, bao gồm 2 bên Nhật Bản và Việt Nam. Đối tác chính là Cục Kinh tế xây dựng, Viện kinh tế xây dựng và Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị (AMC). Các Cục, Vụ thuộc Bộ Xây dựng, các Sở xây dựng và các đơn vị tư vấn, nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm hỗ trợ.

Phát biểu chỉ đạo cuộc họp, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh đã góp ý về Cơ cấu tổ chức thực hiện, đề nghị thêm Cục Quản lý hoạt động xây dựng và Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng hỗ trợ cơ quan chủ đạo Cục kinh tế xây dựng về mặt quản lý Nhà nước.

Về cơ quan nghiên cứu, Viện kinh tế xây dựng sẽ đóng vai trò cơ quan chủ đạo, phối hợp với Viện khoa học công nghệ xây dựng, thuộc Bộ Xây dựng và Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải của Bộ Giao thông vận tải.



Trưởng đoàn khảo sát Shuntaro Kawahara (thứ 2 từ phải sang) đã trình bày khái quát dự thảo khảo sát chi tiết lập Dự án

Về công tác đào tạo, ngoài Học viện AMC, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh đề nghị bổ sung trường Đại học Xây dựng và Đại học Kiến trúc. Những cơ quan liên quan cũng cần bổ sung cơ quan xây dựng chuyên ngành của các Bộ khác như Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Công An, Bộ Quốc phòng...

Về cơ bản, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh nhất trí với nội dung của 5 đầu ra, nhưng đề nghị tăng cường công tác khảo sát thực tiễn. Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh nhấn mạnh, kết quả của Dự án sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc Bộ Xây dựng rà soát và sửa đổi Luật Xây dựng theo Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội Việt Nam.

Do khối lượng công việc của Dự án rất lớn, nhưng kinh phí hạn hẹp nên Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh mong muốn Chính phủ Nhật Bản sẽ tạo điều kiện cho các chuyên gia Nhật hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Nhất trí với ý kiến phát biểu của Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh, song Trưởng đoàn khảo sát Shuntaro Kawahara cho biết, Ban chỉ đạo chung không nên mở rộng quá nhiều đối tượng vì thành viên của Ban chỉ đạo chung phải thực



Toàn cảnh cuộc họp

sự hiểu rõ về đường hướng của Dự án và những đơn vị khác chỉ nên đóng vai trò quan sát, đóng góp ý kiến.

Về phía Cục Kinh tế xây dựng, Cục trưởng Phạm Văn Khánh cho biết, khi Dự án được triển khai, cơ chế và nội dung quản lý các chi phí dự án đầu tư xây dựng ở Việt Nam sẽ được hoàn thiện theo cơ chế thị trường.

Cục trưởng Phạm Văn Khánh nhận định, 5 đầu ra của Dự án mới và kết quả của Dự án CCQS (Dự án hợp tác kỹ thuật "Tăng cường năng lực về dự toán chi phí, quản lý hợp đồng, chất lượng và an toàn trong các dự án đầu tư xây dựng tại Việt Nam) sẽ giúp Việt Nam quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng một cách toàn diện, hiệu quả, tuân thủ cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế, theo đúng mục tiêu của Đề án 2038 theo Quyết định số 2038/QĐ-TTg ngày 18/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong hai ngày 6/8 và 7/8, Đoàn khảo sát Nhật Bản sẽ thảo luận với Cục Kinh tế xây dựng và Viện Kinh tế xây dựng về Biên bản cuộc họp, chuẩn bị cho việc ký kết Biên bản cuộc họp vào ngày 8/8 với sự tham dự của Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh.

Trần Đình Hà

Khởi động Dự án “Xây dựng chính sách tổng thể nhà ở xã hội tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030”

Ngày 7/8/2019, tại trụ sở Bộ Xây dựng diễn ra cuộc họp khởi động Dự án “Xây dựng chính sách tổng thể nhà ở xã hội tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030”, do Phó Cục trưởng Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản Hà Quang Hưng chủ trì, cùng với sự tham dự của Phó Giám đốc quốc gia Văn phòng KOICA Việt Nam Jeong Min Kim, đại diện đơn vị tư vấn - Trung tâm Nghiên cứu nhà ở và thị trường bất động sản (HRC).

Phát biểu tại cuộc họp, Phó Cục trưởng Hà Quang Hưng cho biết, Dự án “Xây dựng chính sách tổng thể nhà ở xã hội tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030” (Dự án) do Chính phủ Hàn Quốc viện trợ không hoàn lại, được thực hiện trong thời gian 3 năm, từ tháng 11/2018, với mục tiêu nâng cao quyền được có nhà ở của các hộ gia đình thu nhập thấp tại khu vực đô thị và công nhân ở các khu công nghiệp tại Việt Nam trong giai đoạn 2021 - 2030.

Phó Cục trưởng Hà Quang Hưng đánh giá, trong các hợp phần của Dự án, hợp phần “Tiến hành khảo sát và nghiên cứu về đảm bảo nhu cầu nhà ở cho các hộ gia đình thu nhập thấp tại khu vực đô thị và công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021- 2030” giữ vai trò đặc biệt quan trọng, là tiền đề để Dự án đưa ra những đề xuất, kiến nghị về các giải pháp, chính sách sách tổng thể phát triển nhà ở xã hội tại Việt Nam thời gian tới.

Để hợp phần này được triển khai nhanh chóng, hiệu quả, Phó Cục trưởng Hà Quang Hưng đề nghị đơn vị tư vấn HRC phối hợp chặt chẽ với các chuyên gia KOICA và các địa phương tiến hành khảo sát, điều tra một cách nghiêm túc, khoa học, đảm bảo tính chính xác tối đa, sau đó tổng hợp số liệu, xây dựng và hoàn thiện Báo cáo trong tháng 12/2019. Nội dung Báo cáo cần chú ý đánh giá tác động của



Phó Cục trưởng Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản Hà Quang Hưng phát biểu tại cuộc họp các chính sách, pháp luật hiện hành về nhà ở của Việt Nam.

Theo đại diện đơn vị tư vấn HRC, hoạt động điều tra, khảo sát được thực hiện với 2 nhóm đối tượng, gồm: Người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị; công nhân làm việc tại các khu công nghiệp và được tiến hành dưới dạng điều tra chọn mẫu trên địa bàn các tỉnh, thành phố sau: Hà Nội; Hải Phòng; Đà Nẵng; TP. Hồ Chí Minh; Cần Thơ; Khánh Hòa (điều tra đối với người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị); Bắc Ninh; Đồng Nai (điều tra đối với công nhân làm việc tại các khu công nghiệp).

Để kết quả điều tra phản ánh đúng thực tế nhu cầu nhà ở xã hội tại Việt Nam, các chuyên gia KOICA và đơn vị tư vấn đã dành nhiều thời gian trao đổi, thảo luận và thống nhất cách thức triển khai Kế hoạch điều tra khảo sát. Theo đó, hoạt động điều tra, khảo sát sẽ được tiến hành từ ngày 19/8/2019 ở các địa phương, bắt đầu với tỉnh Bắc Ninh.

Trước đó, Bộ Xây dựng đã phối hợp với KOICA tổ chức hội thảo tham vấn ý kiến các bộ, ngành Trung ương đối với một số đề xuất của Dự án “Xây dựng chính sách tổng thể nhà ở xã hội tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030”. Tại hội thảo này, các chuyên gia đã đưa ra nhiều ý kiến

đóng góp về các đề xuất của đơn vị tư vấn gồm: Phân khúc các nhóm thu nhập để lựa chọn các nhóm thụ hưởng nhà ở xã hội; Phạm vi đề xuất của tiêu chuẩn nhà ở tối thiểu; Đa dạng hóa các nhà cung cấp nhà ở xã hội; Vai trò của khu vực công; Đa dạng hóa các nhà cung cấp nhà ở xã

hội: Phát triển khu vực tư nhân” và “Phát triển đô thị (đất đai) và nhà ở xã hội của khu vực công; Thu hồi đất và bồi thường cần thiết để đảm bảo đất xây dựng nhà ở xã hội...

Trần Đình Hà

Ký kết Biên bản cuộc họp giữa Bộ Xây dựng và Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản

Ngày 8/8/2019, tại Hà Nội diễn ra lễ Ký kết Biên bản cuộc họp giữa Bộ Xây dựng và Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) về Dự án Tăng cường năng lực trong phát triển các công cụ quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng. Dự buổi lễ có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh, Trưởng đoàn khảo sát JICA Shuntaro Kawahara cùng lãnh đạo, chuyên viên Cục Kinh tế xây dựng, các chuyên gia JICA.

Phát biểu tại buổi lễ, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh cho biết, trong 2 tuần qua, chuyên gia của Cục Kinh tế Xây dựng (đại diện cho Bộ Xây dựng) và chuyên gia của đoàn khảo sát chi tiết lập Dự án Tăng cường năng lực trong phát triển các công cụ quản lý Nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng (đại diện JICA), do ông Shuntaro Kawahara làm Trưởng đoàn, đã thảo luận chi tiết các nội dung của biên bản họp về Dự án.

Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực, sự tích cực của các chuyên gia Bộ Xây dựng và chuyên gia JICA trong các buổi làm việc giữa 2 bên nhằm thống nhất những nội dung Biên bản cuộc họp.

Theo Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh, Biên bản cuộc họp giữa Bộ Xây dựng và JICA là tài liệu quan trọng phục vụ triển khai Dự án Tăng cường năng lực trong phát triển các công cụ quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng (Dự án). Biên bản này sẽ được Bộ Xây dựng gửi tới các cơ quan có liên quan của Việt Nam



Cục trưởng Phạm Văn Khánh và Trưởng đoàn khảo sát Shuntaro Kawahara ký kết Biên bản cuộc họp (JICA báo cáo với Bộ Đất đai, Hạ tầng, Giao thông và du lịch Nhật Bản), sau khi được chuẩn y, Bộ Xây dựng và JICA sẽ tiến hành ký kết Biên bản ghi nhớ giữa 2 bên, tạo tiền đề triển khai Dự án (phấn đấu trong Quý IV/2019).

Bày tỏ cảm ơn Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh, lãnh đạo Cục Kinh tế xây dựng đã quan tâm, sát sao với chương trình làm việc của chuyên gia 2 nước nhằm thống nhất nội dung Biên bản cuộc họp, Trưởng đoàn khảo sát Shuntaro Kawahara cho biết, ông và các chuyên gia Nhật Bản rất vinh dự khi đóng góp công sức giúp đỡ Việt Nam, đặc biệt trong phát triển các công cụ quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng.

Trưởng đoàn khảo sát Shuntaro Kawahara tin tưởng Dự án sẽ góp phần tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác sâu sắc giữa Việt Nam và Nhật Bản.

Nói về Dự án Tăng cường năng lực trong



Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh phát biểu tại cuộc họp

phát triển các công cụ quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng, Cục trưởng Cục Kinh tế xây dựng Phạm Văn Khánh cho biết, đây là dự án tiếp theo Dự án CCQS giai đoạn 2015 - 2018 (Dự án hợp tác kỹ thuật "Tăng cường năng lực về dự toán chi phí, quản lý hợp đồng, chất lượng và an toàn trong các dự án đầu tư xây dựng tại Việt Nam), Chính phủ Nhật Bản hợp tác và hỗ trợ kỹ thuật nhằm hoàn thiện hệ thống quản lý chi phí xây dựng của Việt Nam đối với những dự án công.

Dự án CCQS trước đó đã giúp Việt Nam hoàn thiện nội dung dự toán xây dựng, với Dự án này, Nhật Bản sẽ giúp Việt Nam hoàn thiện tất cả những nội dung chi phí còn lại trong tổng



Trưởng đoàn khảo sát Shuntaro Kawahara phát biểu tại cuộc họp

mức đầu tư, gồm 5 đầu ra chính: Hoàn thiện hệ thống công cụ quản lý bao gồm hệ thống định mức chi phí trực tiếp; xác định đơn giá vật liệu, nhân công, máy theo cơ chế thị trường; hoàn thiện chi phí gián tiếp đối với các loại công trình cụ thể; hoàn thiện chi phí tư vấn bao gồm 3 loại chính là chi phí thiết kế, chi phí khảo sát xây dựng, chi phí giám sát; hoàn thiện tổng mức đầu tư. Dự án này sau khi hoàn thiện sẽ hỗ trợ trực tiếp Đề án 2038 (QĐ số 2038/QĐ-TTg ngày 18/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ) về hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng.

Trần Đình Hà

Hội nghị Thẩm định Đề án Đề nghị công nhận TP. Tân An là đô thị loại II

Ngày 8/8/2019, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án Đề nghị công nhận TP. Tân An đạt tiêu chí đô thị loại II, thuộc tỉnh Long An (Đề án). Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh - Chủ tịch Hội đồng, chủ trì Hội nghị.

Dự Hội nghị có Phó Chủ tịch UBND tỉnh Long An Phạm Văn Cảnh, đại diện các Bộ, ngành Trung ương, các hội, hiệp hội chuyên ngành là thành viên Hội đồng thẩm định Bộ Xây dựng, đại diện lãnh đạo UBND TP. Tân An.

Trình bày Báo cáo thuyết minh tóm tắt Đề án trước Hội đồng, đại diện UBND TP. Tân An

cho biết, đô thị Tân An là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của tỉnh Long An, nằm ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và là cửa ngõ đồng bằng Sông Cửu Long, giao thông đường bộ có QL 1A, QL 62 chạy qua trung tâm thành phố, giao thông đường thủy có sông Vàm Cỏ Tây.

Theo Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Long An, Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Long An, Quy hoạch chung và chương trình phát triển đô thị của TP. Tân An đều xác định TP. Tân An sẽ được đầu tư xây dựng đạt tiêu

chí đô thị loại II đến năm 2020, với vai trò vừa là đô thị hạt nhân tỉnh Long An vừa là đô thị vệ tinh TP. Hồ Chí Minh và là trung tâm dịch vụ của vùng đồng bằng Sông Cửu Long. Do đó, việc công nhận TP. Tân An là đô thị loại II có ý nghĩa quan trọng về mặt kinh tế, chính xã hội của tỉnh cũng như phù hợp với định hướng phát triển đô thị Long An đã được phê duyệt.

Được thành lập năm 2009 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, TP. Tân An có diện tích tự nhiên là 8.173,37ha với 14 đơn vị hành chính, bao gồm 9 phường, 5 xã, dân số tự nhiên hiện nay hơn 201 nghìn người, mật độ dân số toàn đô thị là 2.470 người/km².

Năm 2018, tổng giá trị sản xuất các ngành của TP. Tân An đạt khoảng 21,147 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2018 là 13,38%; tổng thu ngân sách của thành phố đạt 752,81 tỷ đồng, tổng chi ngân sách đạt 591,21 tỷ đồng. Hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn thành phố tăng trưởng qua từng năm để đáp ứng nhu cầu phát triển và tốc độ đô thị hóa của thành phố.

Hiện nay, thu nhập bình quân đầu người của thành phố cao gấp 2,52 lần mức thu nhập bình quân đầu người toàn quốc; tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 0,9%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị đạt 72,4%; 100% đường phố chính khu vực nội thị được chiếu sáng; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 93%; 100% hộ dân được cấp nước sạch sinh hoạt đảm bảo vệ sinh; toàn thành phố đã có hơn 34.953 căn nhà kiên cố và bán kiên cố...

Đại diện UBND TP. Tân An cho biết, tổng hợp các tiêu chí đánh giá theo tiêu chuẩn đô thị loại II của TP. Tân An cho kết quả 5 tiêu chí chính đều đạt yêu cầu theo quy định trong Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 của Quốc hội.

Nhằm nâng cao chất lượng và hoàn thiện Báo cáo thuyết minh Đề án, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng thẩm định Bộ Xây dựng đã đưa ra những nhận xét, góp ý trên các lĩnh vực: Môi trường, công thương, tài chính,



Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh phát biểu kết luận Hội nghị

quốc phòng an ninh, hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch kiến trúc, đô thị... giúp UBND TP. Tân An tiếp thu, bổ sung vào Báo cáo.

Theo đại diện Bộ Nội vụ, quy mô của TP. Tân An vẫn còn nhỏ; hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển chưa đồng bộ, đặc biệt là các xã ngoại thành; tiêu chuẩn vệ sinh môi trường tại các cơ sở công nghiệp vẫn còn nhiều vấn đề phức tạp. TP. Tân An cần bổ sung đánh giá trình độ phát triển hạ tầng của 2 xã Bình Nhâm và Lợi Bình Nhơn trước khi nâng cấp lên thành phường; nhiều số liệu trong Đề án chưa thống nhất, cần được rà soát lại.

Trên cơ sở đó, đại diện Bộ Nội vụ đề nghị TP. Tân An tiếp tục đầu tư theo Quy hoạch chung được phê duyệt, đặc biệt là khu vực ngoại thị; có giải pháp giảm nghèo bền vững, duy trì tỷ lệ nghèo dưới 1%.

TS. Trần Anh Tuấn - Phó Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật, Bộ Xây dựng đánh giá cao vai trò, vị trí của ngõ phía Nam TP. Hồ Chí Minh của tỉnh Long An nói chung, TP. Tân An nói riêng. Do đó trong quá trình phát triển đô thị, TP. Tân An cần thực hiện hiệu quả hơn các dự án xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt, xây dựng thêm các tuyến đường giao thông nội thị kết nối với các tuyến quốc lộ chạy qua địa bàn, đồng thời chú trọng bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu.

Kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh - Chủ tịch Hội đồng đánh giá hồ sơ Đề án

Đề nghị công nhận TP. Tân An là đô thị loại II, thuộc tỉnh Long An đã đảm bảo đầy đủ, theo đúng trình tự thủ tục quy định tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 của Quốc hội, đồng thời nhấn mạnh vai trò, vị trí, chức năng quan trọng của Tân An đối với quá trình phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Long An nói riêng và với cả khu vực đồng bằng Sông Cửu Long nói chung.

Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh đề nghị UBND tỉnh Long An xem xét, tiếp thu ý kiến đóng góp của các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng thẩm định Bộ Xây dựng, trong đó lưu ý yếu tố biến đổi khí hậu trong quá trình phát

triển đô thị Tân An vì tỉnh Long An nói riêng, đồng bằng Sông Cửu Long nói chung được dự báo là khu vực chịu nhiều ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đồng thời rà soát lại những số liệu, thông tin trong Báo cáo đảm bảo cập nhật những thông tin, số liệu mới nhất, chính xác nhất...

Hội đồng thẩm định Bộ Xây dựng thống nhất bỏ phiếu thông qua Đề án đề nghị công nhận TP. Tân An đạt tiêu chuẩn đô thị loại II, thuộc tỉnh Long An.

Trần Đình Hà

Đoàn công tác của Ủy ban Thường vụ Quốc hội làm việc với lãnh đạo Bộ Xây dựng

Ngày 9/8, Đoàn Công tác của UBTVQH do Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên UBTVQH, Trưởng ban Dân nguyện Nguyễn Thanh Hải dẫn đầu đã có buổi làm việc với lãnh đạo Bộ Xây dựng về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của Bộ Xây dựng từ năm 2018 đến tháng 7/2019. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh và lãnh đạo Thanh tra Bộ, các Cục, Vụ, Văn phòng Bộ dự buổi làm việc với Đoàn.

Theo Báo cáo của Bộ Xây dựng do Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh trình bày tại buổi làm việc, công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo là một nhiệm vụ quan trọng, được Bộ trưởng, lãnh đạo Bộ quan tâm chỉ đạo. Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành đầy đủ các nội quy, quy chế, quy trình tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; giao Thanh tra Bộ làm đầu mối, thực hiện tiếp công dân theo định kỳ và tiếp nhận đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo; bố trí địa điểm tiếp công dân của Bộ và của Bộ trưởng; bố trí cán bộ thực hiện; niêm yết lịch tiếp công dân công khai tại địa điểm tiếp công dân và trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ.



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà phát biểu tại buổi làm việc

Được sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của lãnh đạo Bộ, lãnh đạo Thanh tra, Phòng tiếp công dân đã phối hợp với các đơn vị chức năng, đơn vị công an để đảm bảo an ninh trật tự, đảm bảo việc tổ chức tiếp công dân, làm việc trực tiếp với đại diện các đoàn đồng người đạt hiệu quả và trong kỳ báo cáo, Bộ Xây dựng đã giao cho Thanh tra Bộ triển khai 04 đoàn thanh tra, kiểm tra theo đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

Bộ Xây dựng cũng đã phối hợp với thanh tra Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương tham gia tiếp công dân và giải quyết, khiếu nại, tố cáo



Trưởng Ban Dân nguyện Quốc Hội Nguyễn Thanh Hải phát biểu tại buổi làm việc

đối với một số vụ việc phức tạp, kéo dài tại TP Hà Nội, TP.HCM, Hải Phòng, Đồng Nai, Hải Dương, Thanh Hóa, Khánh Hòa; phối hợp với thanh tra Chính phủ trong việc khảo sát quy trình, nghiệp vụ tiếp công dân và xử lý các đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc các dự án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo...

Về kết quả tiếp công dân thường xuyên của Bộ Xây dựng, tổng số lượt tiếp công dân là 134/45 vụ việc khiếu nại, trong đó hướng dẫn giải thích trực tiếp 98 lượt, hướng dẫn bằng văn bản 35 lượt, tiếp nhận 33 đơn thư, số vụ việc cũ là 2 vụ việc, số vụ việc mới là 38 vụ việc, số đoàn đông người là 21 đoàn.

Theo báo cáo, nội dung khiếu nại, tố cáo, số lượng công dân tới Bộ Xây dựng để khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về vụ việc mang tính chất cá nhân có giảm so với năm trước, trong đó có các vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng có nội dung chủ yếu liên quan đến khiếu nại về đòi nhà đất. Một số các vụ việc khác không thuộc thẩm quyền của Bộ như liên quan đến tranh chấp hợp đồng mua bán căn hộ chung cư; khiếu nại việc ban hành các quyết định hành chính của các cơ quan Nhà nước trái quy định; tố cáo hành vi vi phạm trật tự xây dựng, tố cáo việc giải quyết các vụ vi phạm trật tự xây dựng không đúng quy định; phản ánh, kiến nghị giải quyết các chính sách pháp luật về các chế độ của người lao động...; tình trạng công dân gửi đơn thư nhiều lần, số



Toàn cảnh buổi làm việc

lượng đơn gửi lên trùng..., nên phải mất nhiều thời gian để xử lý hướng dẫn hoặc chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Đây cũng là một số khó khăn trong công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo...

Phát biểu kết luận tại buổi làm việc, Trưởng Ban Dân nguyện Nguyễn Thanh Hải, Trưởng đoàn giám sát đánh giá cao công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân của Bộ Xây dựng; cho rằng, kết quả này thể hiện sự quan tâm, trách nhiệm của lãnh đạo Bộ đối với người dân, hoạt động ngày càng đi vào nề nếp, chất lượng và hiệu quả.

Nhấn mạnh vai trò quan trọng của tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, Trưởng đoàn giám sát Nguyễn Thanh Hải đề nghị, Bộ Xây dựng cần tiếp tục duy trì thường xuyên công tác tiếp công dân theo quy định, tập trung giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, không để kéo dài, xảy ra khiếu kiện đông người, vượt cấp. Đẩy mạnh triển khai công tác thi hành Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo; tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo và các văn bản pháp luật có liên quan đến toàn thể nhân dân cũng như cán bộ, công chức trực tiếp tiếp công dân...

Bên cạnh đó, tăng cường công tác thanh tra trách nhiệm người đứng đầu, làm rõ trách nhiệm để xử lý nghiêm minh, kịp thời đối với cán bộ, công chức sai phạm, thiếu trách nhiệm; tiếp

tục nâng cao chất lượng, năng lực đội ngũ cán bộ tiếp công dân thông qua tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ...

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà bày tỏ sự đồng tình với các ý kiến phát biểu góp ý của Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội với Bộ Xây dựng trong công tác này, đồng thời chỉ đạo các đơn vị chức

năng của Bộ, đặc biệt là Thanh tra Bộ lưu ý tiếp thu để hoàn thiện báo cáo, thực hiện tốt nhất công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân của Bộ Xây dựng trong thời gian tới.

Minh Tuấn

Hội thảo góp ý kiến cho Dự thảo Định hướng hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia ngành Xây dựng

Ngày 15/8/2019, Ban chỉ đạo Đề án “Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng” đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo Định hướng hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia ngành Xây dựng, đề xuất danh mục và lộ trình biên soạn các tiêu chuẩn cốt lõi. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng chủ trì Hội thảo.

Theo Báo cáo của Viện Khoa học công nghệ xây dựng tại Hội thảo, ngành Xây dựng hiện có khoảng 1.500 tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), chia thành 11 lĩnh vực như: Xây dựng dân dụng, thủy lợi, giao thông, thiết kế kiến trúc công trình... Nội dung của các tiêu chuẩn tương đối rộng, mỗi lĩnh vực lại có mức độ sử dụng, đặc thù và phạm vi tác động xã hội khác nhau. Các lĩnh vực vừa có tính độc lập, vừa có mối liên hệ qua lại lẫn nhau. Chính vì thế, việc phân nhóm để định hướng hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật ngành Xây dựng là rất cần thiết.

Trên cơ sở này, nhóm nghiên cứu của Viện khoa học công nghệ xây dựng đã phân loại các tiêu chuẩn thành 3 nhóm: Căn định hướng, Phát triển độc lập và Đặc thù. Trong đó, các tiêu chuẩn thiết kế kết cấu và địa kỹ thuật thuộc nhóm “Căn định hướng” có vai trò quan trọng, mang tính dẫn dắt, ảnh hưởng trực tiếp tới an toàn chịu lực của công trình xây dựng, cần được đánh giá và định hướng một cách cụ thể, chi tiết. Trong khi đó, các tiêu chuẩn của nhóm “Phát triển độc lập” bao gồm các tiêu chuẩn vật



Thứ trưởng Lê Quang Hùng chủ trì Hội thảo. liệu, sản phẩm khác không liên quan trực tiếp đến an toàn chịu lực, tự phát triển và không phụ thuộc nhiều vào định hướng của nhóm căn định hướng. Cuối cùng, nhóm “Đặc thù” bao gồm các tiêu chuẩn liên quan đến các đối tượng chuyên ngành được định hướng theo yêu cầu và chức năng cụ thể như dầu khí, tàu điện ngầm, đường sắt cao tốc...

Nhóm nghiên cứu đề xuất 3 phương án định hướng đổi mới đối với các tiêu chuẩn thiết kế kết cấu và địa kỹ thuật của nhóm căn định hướng. Thứ nhất là tự phát triển, kế thừa, đổi mới, phát triển, tích hợp nội dung phù hợp của hệ thống châu Âu hoặc Mỹ. Thứ hai là đổi mới căn bản, dựa hoàn toàn vào hệ thống châu Âu và thứ ba là đổi mới căn bản, dựa hoàn toàn vào hệ thống Mỹ. Quan điểm của nhóm đề xuất nghiêng về phương án 2.

Trên cơ sở định hướng đổi mới hệ thống tiêu chuẩn xây dựng, nhóm nghiên cứu có đề xuất

khoảng 104 TCVN làm tiêu chuẩn cốt lõi, bao gồm 50 tiêu chuẩn cần định hướng và 54 tiêu chuẩn độc lập. Tiêu chuẩn cốt lõi được lựa chọn theo các tiêu chí về tầm quan trọng, mức độ ảnh hưởng và số lượng chiếm từ 15 - 20% tổng số TCVN trong lĩnh vực xây dựng.

Lộ trình thực hiện tiêu chuẩn cốt lõi thuộc Bộ Xây dựng được chia thành hai giai đoạn 2019 - 2021 và 2021 - 2023, đảm bảo việc triển khai thành công, đổi mới hệ thống tiêu chuẩn, phù hợp với trình độ, nguồn lực và tiến độ đề ra trong Đề án.

Tham dự Hội thảo, đại diện các Bộ, Ngành và các chuyên gia đến từ các Hiệp hội, các cơ sở đào tạo trong ngành Xây dựng đều nhất trí với phương án đổi mới hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng do Ban Chỉ đạo Đề án đề xuất, hầu hết các chuyên gia đều lựa chọn đổi mới hệ thống tiêu chuẩn dựa hoàn toàn vào hệ thống tiêu chuẩn của châu Âu hoặc Mỹ.

Kết luận Hội thảo, Thứ trưởng Lê Quang Hùng cho biết, thực tế trong 20 năm qua, thị

trường Việt Nam đã áp dụng đầy đủ các tiêu chuẩn, nhưng chưa bao giờ có đánh giá cụ thể về việc áp dụng các tiêu chuẩn. Chính vì thế, Bộ Xây dựng đã giao cho Cục quản lý hoạt động xây dựng thực hiện việc rà soát toàn bộ lĩnh vực xây dựng kết cấu, tìm hiểu việc thiết kế trong thực tiễn theo tiêu chuẩn nào thuận tiện hơn, làm tiền đề cho việc lựa chọn một hệ thống tiêu chuẩn phù hợp với thị trường Việt Nam.

Về lộ trình phát triển hệ thống tiêu chuẩn mới, theo Thứ trưởng Lê Quang Hùng, Bộ Xây dựng sẽ vừa duy trì hệ thống hiện tại, vừa xây dựng hệ thống mới. Sau khi hệ thống tiêu chuẩn mới được áp dụng phổ biến, Bộ Xây dựng sẽ có kế hoạch loại bỏ các tiêu chuẩn cũ. Bên cạnh đó, Bộ Xây dựng cùng Bộ Khoa học và Công nghệ tìm giải pháp đặt tên của hệ thống tiêu chuẩn mới đảm bảo tính pháp lý để áp dụng vào thực tiễn.

Trần Đình Hà

Sách lược phát triển công viên sinh thái đô thị của nước Mỹ

Cục Quản lý công viên quốc gia Mỹ (NPS) đã đưa ra tất cả các quyết sách về công viên đô thị, từ việc xác định mục tiêu và quy hoạch phát triển tới thẩm duyệt dự án xây dựng và quy phạm hành vi kinh doanh, tất cả đều tiến hành căn cứ theo pháp luật và các quy định chính sách. Ngoài ra, Hiệp hội Giải trí và Công viên quốc gia Mỹ (NRPA), Cơ quan Công viên và Giải trí đô thị liên bang (UPRP) đã kết hợp với các bang, các cơ quan công viên và giải trí đô thị các địa phương để xác định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của các nhà quản lý công viên đô thị đối với sinh thái đô thị và chăm sóc nhân văn, luôn bám sát thực hiện phát triển bền vững môi trường sống của con người tại đô thị.

Hiện tại, công viên sinh thái đô thị của Mỹ chủ yếu có 3 loại mô hình quản lý và phát triển khác nhau. Mô hình thứ nhất: PSA, đây là con đường khá thuận khiết của cơ quan công cộng. Mô hình thứ hai: PPC, đây là mô hình hợp tác công tư. Mô hình thứ ba: MPM, đây là mô hình công chúng lấy thị trường làm định hướng. Ba mô hình này đều có vai trò quan trọng trong phát triển sinh thái của các công viên đô thị và không gian mở. Con đường công cộng đã và sẽ là con đường chủ đạo trong phát triển và vận hành sinh thái công viên đô thị. Mô hình công cộng rất quan trọng đối với việc phát triển sinh thái của các công viên có quy mô lớn, giống như công viên tiểu bang Riverbank, thành phố

New York với chi phí xây dựng hơn 100 triệu USD không thể do tư nhân đầu tư xây dựng được. Mô hình hợp tác công tư thứ 2 và mô hình công chúng thứ 3 lấy thị trường làm định hướng rất thành công với sự phát triển của các công viên quy mô vừa và nhỏ.

1. Sách lược phát triển công viên đô thị của Mỹ

Thiếu thốn đất đai là một trong những trở ngại lớn nhất trong phát triển công viên đô thị và mở rộng không gian sinh thái tại Mỹ hiện nay, do đó, việc cải tạo và tận dụng hợp lý các loại đất đai có thể tận dụng đã trở thành một phương pháp quan trọng và hiệu quả để xây dựng mở rộng không gian. Đứng trước tình hình nhu cầu gia tăng của người dân đối với mở rộng không gian công cộng và sự không hài lòng của người dân đô thị khi phải chi trả nhiều tiền hơn để có được đất sử dụng cho công viên, nước Mỹ đã đưa ra các sách lược cụ thể để phát triển công viên đô thị dạng sinh thái:

- Nhiều loại mô hình xây dựng điển hình: Đất giải trí tự nhiên (NRA), công viên dạng thiết kế (DP), đất xanh chưa khai thác (UA) là 3 loại mô hình xây dựng điển hình của công viên đô thị tại Mỹ.

- Đường phố chuyển thành công viên: Di chuyển nền đường, lát nền phù hợp, cung cấp cơ sở hạ tầng đường phố và chiếu sáng mới, các biển chỉ dẫn cần thiết, gia tăng cây cối và các yếu tố cảnh quan khác...

- Đường quốc lộ chuyển thành công viên: Cải tạo đường quốc lộ là một phương pháp khác gia tăng không gian mở công cộng tại đô thị, nó dường như đồng thời cũng không cần chi phí từ chính phủ để có được đất đai, cũng không cần quá trình bố trí đất đai quá dài.

- Đường thủy chuyển thành công viên: Đây là phương pháp có sức hấp dẫn nhất khi biến đường thủy trở thành công viên để người dân đô

thị có thể dễ dàng tiếp cận.

- Các sách lược phát triển khác. Ngoài đường phố, đường quốc lộ và khu vực sông nước ra, chính quyền địa phương các thành phố và thị trấn cũng đã đưa ra rất nhiều cơ chế khích lệ các chủ sở hữu đất đai trong việc mở rộng công viên đô thị và không gian mở.

2. Cơ chế hợp tác công viên sinh thái đô thị tại Mỹ

Từ những kinh nghiệm thành công của đa số các công viên sinh thái đô thị tại Mỹ cho thấy, sự hợp tác rộng rãi và liên tục bao gồm chính phủ, thương gia, một số quỹ từ thiện và một số đối tác hợp tác và đoàn thể tư nhân phi lợi nhuận là rất cần thiết.

- Trách nhiệm của cơ quan công cộng: Ứng hộ hợp tác rộng rãi có lẽ sẽ khiến người dân nảy sinh hiểu lầm, đây chính là cách mà chính phủ và các cơ quan công cộng có thể làm để giảm đầu tư của họ hoặc chịu càng ít trách nhiệm. Tuy nhiên trên thực tế, nguồn vốn tư nhân và nguồn vốn công cộng giống nhau, đều không thể hoàn toàn đơn độc gánh vác toàn bộ chi phí xây dựng công viên sinh thái và hoàn thành công tác bảo trì, quản lý sinh thái công viên. Trong thời đại với nhu cầu ngày càng gia tăng đối với công viên sinh thái đô thị, chính phủ Mỹ cần chi cho công viên nhiều tiền hơn nữa chứ không phải ít hơn, rất nhiều ví dụ thành công đều đã chứng minh điều này. Hơn nữa, để đảm bảo công chúng có thể có nhiều hơn nguồn sinh thái công viên đô thị và không gian mở tốt hơn, trong rất nhiều quá trình hợp tác, cơ quan công cộng phải đóng vai trò là người lãnh đạo, sự cam kết công khai và chắc chắn là một sự đảm bảo cho sự hợp tác lành mạnh.

- Sự tham gia rộng rãi của cộng đồng: Công viên sinh thái đô thị thành công có thể mang đến những lợi ích rất lớn đối với cộng đồng xung quanh, cho dù là về mặt kinh tế cộng đồng hay

về mặt chất lượng cư trú của người dân. Người dân Mỹ ngày càng tin rằng, thời đại mà cơ cấu chính phủ và các nhà thiết kế sân vườn chuyên nghiệp tiến hành xây dựng công viên cho cộng đồng đã qua rồi, một dự án công viên cộng đồng có thể thành công và duy trì sức sống sinh thái bền vững phải có sự tham gia tích cực từ nhiều phương diện của các thành viên cộng đồng. Khi các cư dân tích cực tham gia phát triển công viên, họ sẽ có tinh thần trách nhiệm hơn, điều này cũng sẽ giúp tạo ra không gian sinh thái mở an toàn, sạch sẽ, cư dân tích cực sử dụng.

- Hợp tác với các đối tác phi lợi nhuận: Hiểu được những cống hiến và vai trò của đối tác là trọng tâm trong xây dựng mối quan hệ hợp tác thành công và có ý nghĩa chiến lược. Trong quá trình hợp tác giữa các thành phố của Mỹ về công viên sinh thái, một số cơ cấu phi lợi nhuận sẽ mang đến những hiệu quả rất lớn cho các dự án công viên sinh thái. Họ có thể mang đến một nguồn vốn linh hoạt để hỗ trợ đầu tư sinh thái công cộng, hơn nữa trong các phương diện như xây dựng thành viên dự án, tuyển dụng chuyên gia cố vấn và tìm kiếm các kỹ thuật chuyên ngành... họ cũng có tính linh hoạt rất cao. Ngoài ra, do họ đại diện cho mục tiêu công việc phục vụ lợi ích cộng đồng đô thị và có thể giao lưu rộng rãi với người dân đô thị nên có thể làm gia tăng sự tin tưởng của cộng đồng.

- Tác dụng của đối tác hợp tác tư nhân: Những ví dụ thực tế thành công về công viên sinh thái và không gian mở tại đô thị tại Mỹ cho thấy, rất nhiều dự án công viên thành công đều dựa vào sự hỗ trợ của các đối tác hợp tác tư nhân, đặc biệt là sự hỗ trợ về mặt nguồn vốn. Mặt khác, sự hỗ trợ của nhà hợp tác tư nhân đối với việc quản lý bảo trì công viên cũng quan trọng giống như sự hỗ trợ của họ về mặt nguồn vốn. Trong quá trình quản lý kinh doanh thành

công tại rất nhiều công viên, các nhà hợp tác tư nhân thông qua việc đánh giá, quy hoạch, thiết kế và sử dụng để tiếp tục tham gia vào đầu tư và quản lý công viên.

3. Yếu tố thực thi xây dựng công viên sinh thái đô thị tại Mỹ

Tại Mỹ, công viên sinh thái đô thị cho dù sử dụng mô hình xây dựng nào thì đều phải coi trọng việc quy hoạch, xây dựng, hướng dẫn và dịch vụ về sinh thái cư trú và vui chơi giải trí.

- Chú trọng bố cục quy hoạch về chức năng đô thị: Yếu tố đầu tiên trong thực thi phát triển công viên sinh thái đô thị tại Mỹ là tiến hành đồng bộ giữa xây dựng công viên và đô thị hóa, điều này tạo điều kiện cho việc tiến hành xây dựng sinh thái và khai thác đô thị có trật tự, từ đó xây dựng kết cấu đô thị hợp lý.

- Yếu tố kết nối sinh thái: Công viên đô thị không phải là hòn đảo xanh cô độc trong lòng thành phố bê tông, nó nên có mối quan hệ mật thiết với môi trường xung quanh. Đặc biệt, các công viên đô thị dạng sinh thái có thể dung hòa không gian sinh vật đô thị và không gian nhân văn xã hội, nó có tác dụng quan trọng trong phương diện nâng cao chất lượng cuộc sống tại đô thị.

- Khai thác hợp lý dự án công viên: Tiếp tục khai thác các dự án công viên thuận tiện quản lý, đồng thời sắp xếp hợp lý nội dung hoạt động phù hợp với loại hình công viên, đây là con đường tốt nhất để thực hiện phát triển bền vững khu vực cư trú sinh thái.

- Xây dựng môi trường an toàn: Trong quá trình sử dụng công viên đô thị dạng sinh thái, an toàn là điều hết sức quan trọng. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, sự xuống cấp của rất nhiều công viên đô thị khiến cho người dân cảm thấy họ không có môi trường an toàn. Một công viên đô thị ở trong trạng thái không ai ngó tới là khá nguy hiểm, nó khiến người dân cảm thấy lo lắng

về sự an toàn, điều này chắc chắn khiến cho công viên có hiệu quả tận dụng thấp. Phương pháp giải quyết vấn đề này có lẽ không phải là gia tăng các biện pháp bảo vệ, mà là yêu cầu nhà thiết kế chú trọng nâng cao tỷ lệ tận dụng chất lượng sinh thái công viên, nghiên cứu kỹ lưỡng sự cân bằng giữa tính riêng tư và tính che giấu, xây dựng công viên đô thị thuận tiện cho sử dụng và vui chơi giải trí tấp nập.

- Thiết kế nhân văn đồng nghĩa với tôn trọng: Về phương diện quy hoạch cảnh quan, cần xây dựng một môi trường thoải mái, đảm

bảo người sử dụng thỏa mãn về mặt tâm lý. Về phương diện cơ sở chi tiết, căn cứ đặc điểm hành vi tâm lý của những nhóm người khác nhau để xây dựng nên không gian đáp ứng nhu cầu của mọi người thông qua các cơ sở hạ tầng chi tiết như khu nghỉ ngơi, tỷ lệ ghế ngồi, đường dành riêng cho người đi bộ...

Vương Chí Thành

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn

Trung Quốc, số 5/2019

ND: Kim Nhạn

Tương lai 10 năm trong phát triển nhà ở tại Trung Quốc

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, xã hội, con người ngày càng coi trọng môi trường cư trú. Xây dựng môi trường cư trú là lựa chọn tất yếu để thực hiện đô thị hóa kiểu mới. Tại Trung Quốc, phát triển xây dựng xanh là kim chỉ nam khi nền kinh tế xã hội Trung Quốc bước vào thời kỳ mới. Bám sát xây dựng môi trường sinh thái xanh để tạo nên môi trường cư trú tốt đẹp đã trở thành mục tiêu trọng tâm trong xây dựng nhà ở và đô thị, nông thôn trong thời đại mới.

Hiện nay, mâu thuẫn trong xã hội Trung Quốc đã chuyển hóa thành mâu thuẫn giữa nhu cầu về cuộc sống ngày càng nâng cao, tốt đẹp của đông đảo người dân và sự phát triển bất cân bằng, không đầy đủ. Cư trú là phương diện hết sức quan trọng trong cuộc sống tốt đẹp của người dân, do đó việc nỗ lực đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, cư trú tốt đẹp ngày càng nâng cao của người dân là điều mà chính phủ Trung Quốc đang nỗ lực hoàn thiện.

Kể từ khi cải cách mở cửa, công tác xây dựng nhà ở của Trung Quốc đã có được những thành tựu lớn lao. Sự phát triển của bất động sản đã chuyển hướng từ thiên về mở rộng số lượng sang tập trung nâng cao về chất lượng, tuy nhiên sự phát triển của nhà ở vẫn giữ một

khoảng cách rất lớn với nhu cầu của người dân đối với hình thức cư trú xanh, lành mạnh. Hiện tại, trong số các gia đình có nhà ở tại thành phố và thị trấn của Trung Quốc, có gần 20% gia đình cư trú trong các ngôi nhà không đồng bộ. Nhà ở đồng bộ có một chỉ tiêu rất quan trọng, đó là đường ống nước sạch và nhà vệ sinh xả nước. Số liệu thống kê cho thấy, tỷ lệ đường ống nước sạch tại các hộ gia đình tại Trung Quốc không tới 80%. Hiện tại, có 20% các hộ gia đình tại đô thị Trung Quốc vẫn sống trong những căn nhà không có nhà vệ sinh dạng xả nước. Tại vùng nông thôn Trung Quốc, con số này còn vượt trên 20%. Vì vậy, việc xây dựng nhà ở tại Trung Quốc là một con đường dài, đòi hỏi sự nỗ lực và gian khổ.

Đặc biệt, trong quá trình đô thị hóa với tốc độ cao, mỗi năm có tới gần 20 triệu người dân nông thôn tại Trung Quốc chuyển tới các đô thị, đồng thời mỗi năm vẫn có khoảng 6 triệu người dân tại các thành phố và thị trấn di chuyển qua lại giữa các thành phố và thị trấn. Việc di chuyển của lượng dân số tại thành phố và thị trấn này hoàn toàn không ảnh hưởng tới giá trị đô thị hóa, nhưng lại ảnh hưởng tới nhu cầu về nhà ở. Cuộc sống của người dân luôn xoay

quanh các phương diện cơ bản là ăn, mặc, ở và đi lại. Tuy nhiên, trong 40 năm cải cách mở cửa trở lại đây, đối với đông đảo người dân mà nói, họ có thể muốn mặc cái gì là có thể mặc cái đó, muốn ăn cái gì là có thể ăn cái đó, muốn đi đâu là có thể đi tới đó, thế nhưng lại không thể muốn ở một ngôi nhà như thế nào là có thể ở trong ngôi nhà đó. Vì vậy, công tác xây dựng nhà ở vẫn là một nhiệm vụ nặng nề và lâu dài, đặc biệt cùng với sự tăng trưởng về thực lực kinh tế của nhà nước Trung Quốc và sự nâng cao về thu nhập của người dân Trung Quốc, việc theo đuổi lối cư trú xanh, lành mạnh là mong ước rất quan trọng của đông đảo người dân, tuy nhiên điều kiện nhà ở hiện tại của Trung Quốc vẫn không thể dễ dàng đạt tới mục tiêu này.

Cuộc sống của con người hầu như 60% thời gian đều trôi qua trong ngôi nhà của mình, thế nhưng 1 trong số 4 nhân tố lớn phi tự nhiên, không di truyền mà lại ảnh hưởng tới sức khỏe con người phải kể đến đầu tiên là nhà ở. Do đó, việc cung cấp cho người dân một ngôi nhà xanh, lành mạnh và đạt tiêu chuẩn giúp người dân cư trú thoải mái hơn, hạnh phúc hơn, sinh hoạt tốt đẹp hơn là trách nhiệm của toàn ngành xây dựng Trung Quốc.

Trong tương lai 10 năm tới, tổng GDP của Trung Quốc có thể sẽ vượt qua nước Mỹ, GDP bình quân đầu người có thể sẽ ở cấp độ của các nước phát triển, tuy nhiên sự phát triển của nhà ở tại Trung Quốc có lẽ sẽ không thể đạt tới trình độ của các nước phát triển. Công cuộc phát triển nhà ở tại Trung Quốc cần đi theo 3 bước:

- Thứ nhất, mỗi một gia đình đều có thể cư trú trong những ngôi nhà đồng bộ, thoải mái và lành mạnh.

- Thứ hai, làm được mỗi một người có một phòng ngủ.

- Thứ ba, trong ngôi nhà của mỗi gia đình, ngoài không gian cư trú tại một phòng lớn ra,

cần có thêm một không gian cư trú nữa để người dân có môi trường cư trú thoải mái, tốt đẹp hơn.

“Tiêu chuẩn” mới của Trung Quốc với định hướng phát triển chất lượng cao, kết nối với các tiêu chuẩn đánh giá tiên tiến của quốc tế, đưa việc xây dựng chất lượng môi trường không gian vật chất tại khu vực cư trú xanh dần mở rộng tới việc xây dựng cuộc sống xanh, lành mạnh, điều này có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc thúc đẩy công tác xây dựng nhà ở phát triển với chất lượng cao.

Năm 2019 là một năm quan trọng trong phát triển nhà ở của Trung Quốc. Nhà ở đóng vai trò là sự hỗ trợ cơ bản trong quá trình đô thị hóa kiểu mới, là sự đảm bảo dân sinh quan trọng trong vấn đề an cư lạc nghiệp, hạnh phúc hài hòa của người dân, là biện pháp quan trọng để phát triển và điều tiết kiểm soát nền kinh tế, là thể tải quan trọng của kỹ thuật công trình và các ngành công nghiệp có liên quan khi đi theo hướng hiện đại hóa.

Là một quốc gia với lượng dân số lớn của thế giới, trong quá trình phát triển đô thị hóa với tốc độ cao trong 70 năm qua, đối mặt với nhu cầu nhà ở to lớn, chính phủ, xã hội và thị trường Trung Quốc cần luôn hết sức nỗ lực để giải quyết vấn đề cư trú nhằm đạt được những thành quả lớn lao. Từ “sáu thống nhất” đó là: Phân phối thống nhất, quy hoạch thống nhất, thiết kế thống nhất, thi công thống nhất, quản lý thống nhất tới lựa chọn cư trú phong phú đa dạng trong phát triển mạnh mẽ thị trường nhà ở, vấn đề thiếu hụt về tổng lượng cung cầu nhà ở chắc chắn sẽ có được sự thay đổi hoàn toàn.

Phùng Tuấn

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, số 3/2019

ND: Kim Nhạn

THỨ TRƯỞNG BÙI PHẠM KHÁNH LÀM VIỆC VỚI ĐOÀN CHUYÊN GIA JICA

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2019



Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh đã chủ trì cuộc họp về Dự án tăng cường năng lực trong phát triển các công cụ quản lý Nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng



Trưởng đoàn khảo sát Shuntaro Kawahara (thứ 2 từ phải sang) đã trình bày khái quát dự thảo khảo sát chi tiết lập Dự án